TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A1 KÌ: II ...KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Lê Thị Bích Hạnh

HỌC PHẦN: Sự học và sự phát triển trẻ thơ HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 316	Nguyễn Thị Thúy	Anh	8	7	9	8	8		8		Đợt 1
2	K19 - 317	Lê Thị Lệ	Chi	8	7	9	8	3		5		
3	K19 - 318	Nguyễn Hà Huệ	Diễm	8	7	9	8	5		6		
4	K19 - 319	Đinh Thị Thùy	Dung	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
5	K19 - 320	Nguyễn Thị Kim	Dung	8	9	8	8	3		5		
6	K19 - 321	Phan Thị	Dung	8	8	9	8	4		5		
7	K19 - 322	Ngô Thị Hương	Giang	8	6	8	7	3	3	4	4	
8	K19 - 323	Nguyễn Thị	Hà	8	8	9	8	5		6		
9	K19 - 324	Bùi Thị Hồng	Hải	8	8	9	8	7		7		
10	K19 - 325	Nguyễn Thị	Hạnh	8	9	9	9	2	3	4	5	25/07/1996
11	K19 - 326	Văn Thị	Hạnh	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
12	K19 - 327	Hoàng Thị Thu	Hằng	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
13	K19 - 328	Phạm Thị Thanh	Hằng	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
14	K19 - 329	Hoàng Thị Thu	Hiền	8	8	9	8	3		5		
15	K19 - 330	Hoàng Thu	Hiền	8	8	8	8	6		7		
16	K19 - 331	Nguyễn Thị	Hiền	9	8	9	9	6		7		
17	K19 - 332	Nguyễn Thị	Hoa	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
18	K19 - 333	Lê Thanh	Huyền	8	9	9	9	5		6		
19	K19 - 334	Phùng Thị	Hương	8	6	8	7	5		6		
20	K19 - 335	Vương Thị Thu	Hương	8	9	8	8	6		7		
21	K19 - 336	Bùi Thị Bích	Hường	8	8	8	8	3		5		
22	K19 - 337	Nguyễn Hoài	Linh	9	9	9	9	5		6		
23	K19 - 338	Vương Mỹ	Linh	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
24	K19 - 339	Trương Thị	Mai	8	9	8	8	8		8		
25	K19 - 340	Đào Thị	Nga	8	9	8	8	8		8		
26	K19 - 341	Nguyễn Thị	Nga	8	8	8	8	6		7		
27	K19 - 342	Trần Thùy	Ngân	8	7	9	8	6		7		
28	K19 - 343	Bùi Bích	Phương	8	8	8	8	2	0	4	3	29/08/1997
29	K19 - 344	Đỗ Minh	Phương	8	7	9	8	7		7		
30	K19 - 345	Bùi Bích	Phương	9	9	9	9	7		8		16/10/1993
31	K19 - 346	Phùng Thị Hương	Thảo	8	6	8	7	5		6		
32	K19 - 347	Trần Thị	Thơm	8	8	8	8	6		7		
33	K19 - 348	Đàm Thị	Thu	8	8	8	8	5		6		
34	K19 - 349	Trần Thị Thu	Thủy	8	7	8	8	8		8		
35	K19 - 350	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	8	7	9	8	5		6		

TT	SBD (Mã số SV)		HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
					Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
36	K19 -	351	Bùi Thị Quỳnh	Trang	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
37	K19 -	352	Lê Thị	Trang	9	8	9	9	7		8		
38	K19 -	353	Lưu Thu	Trang	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
39	K19 -	354	Trần Thị Thu	Trang	8	9	8	8	5		6		
40	K19 -	355	Trương Thị Thu	Trang	8	8	9	8	3		5		
41	K19 -	356	Ngô Thị Hồng	Vui	8	8	8	8	4		5		
42	K19 -	357	Diệp Thị Bình	Yến	8	7	8	8	4		5		
43	K19 -	358	Nguyễn Thị	Ánh	8	9	9	9	5		6		Đợt 3
44	K19 -	359	Nguyễn Thị	Trang	8	7	9	8	7		7		
45	K19 -	360	Phạm Thị	Bích	9	7	9	8	6		7		
46	K19 -	361	Nguyễn Thị	Hạnh	8	8	9	8	5		6		10/09/1996
47	K19 -	362	Hoàng Thị	Đầm	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
48	K19 -	363	Trần Thị Minh	Thúy	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
49	K19 -	364	Trần Thị Thu	Phương	8	7	8	8	7		7		
50	K19 -	365	Chansai	KONGCHAMPA	8	7	8	8	7		7		
51	K19 -	366	Khonemany	OUNMANYCHANH	8	7	8	8	6		7		

Ấn định danh sách lớp có: 51 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 41 **Số sinh viên không được dự thi:** 10 (363; 364; 353; 361; 356; 352; 359; 357; 358; 349).

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Lê Thị Bích Hạnh	Lê Thị Bích Hạnh	Trần Thị Phương Huyền	Nguyễn Lê Thuỷ 1/9/2016	
	L2 Lê Thị Bích Hạnh	L2 Nguyễn Thị Minh Thúy	Trần Thị San Anh	
		~~Trần Thị Phương Huyền~~		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A1 KÌ: 2 KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Hữu Thính

HỌC PHẦN: Giáo dục Mỹ thuật HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)		HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
					Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 -	316	Nguyễn Thị Thùy	Anh	10	9		10	7		8		Đợt 1
2	K19 -	317	Lê Thị Lệ	Chi	10	9		10	4		6		
3	K19 -	318	Nguyễn Hà Huệ	Diễm	8	7		8	5		6		
4	K19 -	319	Đinh Thị Thùy	Dung	0	0		0	0		0		Bỏ học
5	K19 -	320	Nguyễn Thị Kim	Dung	8	7		8	4		5		
6	K19 -	321	Phạn Thị	Dung	8	7		8	5		6		
7	K19 -	322	Ngô Thị Hương	Giang	9	8		9	2	7	4	8	
8	K19 -	323	Nguyễn Thị	Hà	9	8		9	4		6		
9	K19 -	324	Bùi Thị Hồng	Hải	10	9		10	5		7		
10	K19 -	325	Nguyễn Thị	Hạnh	8	7		8	3		5		25/07/1996
11	K19 -	326	Văn Thị	Hạnh	0	0		0	0		0		B. học
12	K19 -	327	Hoàng Thị Thu	Hằng	0	0		0	0		0		B. học
13	K19 -	328	Phạm Thị Thanh	Hằng	10	9		10	0	0	3	3	Vắng K
14	K19 -	329	Hoàng Thị Thu	Hiền	9	8		9	6		7		
15	K19 -	330	Hoàng Thu	Hiền	8	7		8	4		5		
16	K19 -	331	Nguyễn Thị	Hiền	10	9		10	4		6		
17	K19 -	332	Nguyễn Thị	Hoa	0	0		0	0		0		B. học
18	K19 -	333	Lê Thanh	Huyền	9	8		9	3		5		
19	K19 -	334	Phùng Thị	Hương	9	8		9	5		6		
20	K19 -	335	Vương Thị Thu	Hương	10	9		10	4		6		
21	K19 -	336	Bùi Thị Bích	Hường	8	7		8	2	6	4	7	
22	K19 -	337	Nguyễn Hoài	Linh	8	7		8	8		8		
23	K19 -	338	Vương Mỹ	Linh	0	0		0	0		0		B. học
24	K19 -	339	Trương Thị	Mai	10	9		10	8		9		
25	K19 -	340	Đào Thị	Nga	10	9		10	4		6		
26	K19 -	341	Nguyễn Thị	Nga	8	7		8	7		7		
27	K19 -	342	Trần Thùy	Ngân	9	8		9	2	6	4	7	
28	K19 -	343	Bùi Bích	Phương	6	5		6	5		5		29/08/1997
29	K19 -	344	Đỗ Minh	Phương	10	9		10	5		7		
30	K19 -	345	Bùi Bích	Phương	10	9		10	8		9		16/10/1993
31	K19 -	346	Phùng Thị Hương	Thảo	8	7		8	6		7		
32	K19 -	347	Trần Thị	Thơm	9	8		9	2	5	4	6	
33	K19 -	348	Đàm Thị	Thu	8	8		8	5		6		
34	K19 -	349	Trần Thị Thu	Thủy	8	7		8	3		5		
35	K19 -	350	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	8	8		8	5		6		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
36	K19 - 351	Bùi Thị Quỳnh	Trang	0	0		0	0		0		B học
37	K19 - 352	Lê Thị	Trang	9	9		9	4		6		
38	K19 - 353	Lưu Thu	Trang	0	0		0	0		0		B. học
39	K19 - 354	Trần Thị Thu	Trang	10	9		10	4		6		
40	K19 - 355	Trương Thị Thu	Trang	7	7		7	5		6		
41	K19 - 356	Ngô Thị Hồng	Vui	7	6		7	4		5		
42	K19 - 357	Diệp Thị Bình	Yến	5	5		5	6		6		
43	K19 - 358	Nguyễn Thị	Ánh	10	9		10	5		7		Đợt 3
44	K19 - 359	Nguyễn Thị	Trang	10	9		10	5		7		
45	K19 - 360	Phạm Thị	Bích	10	9		10	3		5		
46	K19 - 361	Nguyễn Thị	Hạnh	10	9		10	4		6		10/09/1996
47	K19 - 362	Hoàng Thị	Đầm	0	0		0	0		0		B. học
48	K19 - 363	Trần Thị Minh	Thúy	0	0		0	0		0		B học
49	K19 - 364	Trần Thị Thu	Phương	9	8		9	3		5		
50	K19 - 365	Chansai	KONGCHAMPA	9	8		9	4		6		
51	K19 - 366	Khonemany	OUNMANYCHANH	9	8		9	4		6		

Ấn định danh sách lớp có: 51 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 42 **Số sinh viên không được dự thi:** 9 (319, 326, 327, 332, 358, 351, 353, 362, 363)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Nguyễn Hữu Minh		Lương Thị Linh	Nguyễn Lê Thuỷ 1/9/2016	Trần Thị Lan Anh
		Đoàn Thế Anh		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A1 KÌ: I ....KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Trần Hướng Lan

HỌC PHẦN: Giáo học thiếu nhi ..... HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 316	Nguyễn Thị Thúy	Anh	8	7		7	5		6		Đợt 1
2	K19 - 317	Lê Thị Lệ	Chi	8	8		8	5		6		
3	K19 - 318	Nguyễn Hà Huệ	Diễm	8	6		7	4		5		
4	K19 - 319	Đinh Thị Thùy	Dung	*	*		*	*		*		Bỏ học
5	K19 - 320	Nguyễn Thị Kim	Dung	7	6		6	1	4	3	5	
6	K19 - 321	Phan Thị	Dung	8	8		8	6		7		
7	K19 - 322	Ngô Thị Hương	Giang	8	6		7	5		6		
8	K19 - 323	Nguyễn Thị	Hà	8	7		7	4		5		
9	K19 - 324	Bùi Thị Hồng	Hải	8	8		8	6		7		
10	K19 - 325	Nguyễn Thị	Hạnh	7	7		7	6		6		25/07/1996
~~11~~	~~K19 - 326~~	~~Văn Thị~~	~~Hạnh~~									
12	K19 - 327	Hoàng Thị Thu	Hằng	*	*		*	*		*		Bỏ học
13	K19 - 328	Phạm Thị Thanh	Hằng	6	5		5	*	*	2	2	Nghỉ 4 KP+
14	K19 - 329	Hoàng Thị Thu	Hiền	8	6		7	5		6		
15	K19 - 330	Hoàng Thu	Hiền	8	6		7	4		5		
16	K19 - 331	Nguyễn Thị	Hiền	8	6		7	4		5		
~~17~~	~~K19 - 332~~	~~Nguyễn Thị~~	~~Hoa~~									
18	K19 - 333	Lê Thanh	Huyền	7	8		8	4		5		
19	K19 - 334	Phùng Thị	Hương	8	5		6	4		5		
20	K19 - 335	Vương Thị Thu	Hương	6	5		5	3	5	4	5	
21	K19 - 336	Bùi Thị Bích	Hường	6	5		5	3	5	4	5	
22	K19 - 337	Nguyễn Hoài	Linh	5	6		6	3	5	4	5	
~~23~~	~~K19 - 338~~	~~Vương Mỹ~~	~~Linh~~									
24	K19 - 339	Trương Thị	Mai	8	6		7	8		8		
25	K19 - 340	Đào Thị	Nga	8	7		7	4		5		
26	K19 - 341	Nguyễn Thị	Nga	8	8		8	7		7		
27	K19 - 342	Trần Thùy	Ngân	8	7		7	3	4	4	5	
28	K19 - 343	Bùi Bích	Phương	5	7		6	4		5		29/08/1997
29	K19 - 344	Đỗ Minh	Phương	7	7		7	3	4	4	5	
30	K19 - 345	Bùi Bích	Phương	8	8		8	6		7		16/10/1993
31	K19 - 346	Phùng Thị Hương	Thảo	8	6		7	3	4	4	5	
32	K19 - 347	Trần Thị	Thơm	8	8		8	4		5		
33	K19 - 348	Đàm Thị	Thu	7	7		7	4		5		
34	K19 - 349	Trần Thị Thu	Thủy	8	7		7	3	4	4	5	
35	K19 - 350	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	8	6		7	4		5		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
36	K19 - 351	Bùi Thị Quỳnh	Trang									
37	K19 - 352	Lê Thị	Trang	7	7		7	4		5		
38	~~K19 - 353~~	~~Lưu Thu~~	~~Trang~~									
39	K19 - 354	Trần Thị Thu	Trang	8	7		7	5		6		
40	K19 - 355	Trương Thị Thu	Trang	8	7		7	5		6		
41	K19 - 356	Ngô Thị Hồng	Vui	8	7		7	6		6		
42	K19 - 357	Diệp Thị Bình	Yến	7	7		7	4		5		
43	K19 - 358	Nguyễn Thị	Ánh	7	7		7	3	4	4	5	Đợt 3
44	K19 - 359	Nguyễn Thị	Trang	7	7		7	8		8		
45	K19 - 360	Phạm Thị	Bích	7	7		7	6		6		
46	K19 - 361	Nguyễn Thị	Hạnh	5	5		5	6		6		10/09/1996
~~47~~	~~K19 - 362~~	~~Hoàng Thị~~	~~Đảm~~									
48	K19 - 363	Trần Thị Minh	Thúy	0	0		0	0		0		Cấm thi
49	K19 - 364	Trần Thị Thu	Phương	8	7		7	4		5		
50	K19 - 365	Chansai	KONGCHAMPA	8	7		7	4		5		
51	K19 - 366	Khonemany	OUNMANYCHANH	8	7		7	4		5		

Ấn định danh sách lớp có: 51 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 42143 **Số sinh viên không được dự thi:** 01: 365

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Không **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** Không

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Trần Thị Hồng Loan	Trần Thị Hồng Loan	Đỗ Thị Bích Phương	Nguyễn Lê Thủy 1/9/2016	
L2:	Trần Loan	Đỗ T. Bích Phương	Trần Thị Lan Anh	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A1 KÌ: II ....KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Trần Thị Minh Giang

HỌC PHẦN: Xã hội học HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 316	Nguyễn Thị Thúy	Anh	9	9		9	9		9		Đợt 1
2	K19 - 317	Lê Thị Lệ	Chi	9	9		9	2	4	4	6	
3	K19 - 318	Nguyễn Hà Huệ	Diễm	8	8		8	2	5	4	6	
4	K19 - 319	Đinh Thị Thùy	Dung	\	\		\	\		\		Bỏ học
5	K19 - 320	Nguyễn Thị Kim	Dung	9	8		9	0	1	3	4	
6	K19 - 321	Phan Thị	Dung	10	9		10	1	3	4	5	
7	K19 - 322	Ngô Thị Hương	Giang	9	8		9	4		6		
8	K19 - 323	Nguyễn Thị	Hà	9	8		9	4		6		
9	K19 - 324	Bùi Thị Hồng	Hải	9	9		9	0	7	3	8	
10	K19 - 325	Nguyễn Thị	Hạnh	9	9		9	2	4	4	6	25/07/1996
11	K19 - 326	Văn Thị	Hạnh	\	\		\	\		\		Bỏ học
12	K19 - 327	Hoàng Thị Thu	Hằng	\	\		\	\		\		Bỏ học
13	K19 - 328	Phạm Thị Thanh	Hằng	6	8		7	0	0	2	2	Vắng thi KBVH
14	K19 - 329	Hoàng Thị Thu	Hiền	9	9		9	1	1	4	4	
15	K19 - 330	Hoàng Thu	Hiền	9	9		9	6		7		
16	K19 - 331	Nguyễn Thị	Hiền	9	9		9	6		7		
17	K19 - 332	Nguyễn Thị	Hoa	\	\		\	\		\		Bỏ học
18	K19 - 333	Lê Thanh	Huyền	9	10		10	6		7		
19	K19 - 334	Phùng Thị	Hương	9	8		9	4		6		
20	K19 - 335	Vương Thị Thu	Hương	9	8		9	5		6		
21	K19 - 336	Bùi Thị Bích	Hường	8	9		9	1	3	4	5	
22	K19 - 337	Nguyễn Hoài	Linh	8	9		9	5		6		
23	K19 - 338	Vương Mỹ	Linh	\	\		\	\		\		Bỏ học
24	K19 - 339	Trương Thị	Mai	9	8		9	6		7		
25	K19 - 340	Đào Thị	Nga	8	8		8	9		9		
26	K19 - 341	Nguyễn Thị	Nga	9	9		9	8		8		
27	K19 - 342	Trần Thúy	Ngân	9	8		9	5		6		
28	K19 - 343	Bùi Bích	Phương	9	9		9	4		6		29/08/1997
29	K19 - 344	Đỗ Minh	Phương	9	8		9	4		6		
30	K19 - 345	Bùi Bích	Phương	10	9		10	8		9		16/10/1993
31	K19 - 346	Phùng Thị Hương	Thảo	9	8		9	2	2	4	4	
32	K19 - 347	Trần Thị	Thơm	9	8		9	1,8	5	4	6	
33	K19 - 348	Đàm Thị	Thu	8	8		8	4,5		5		
34	K19 - 349	Trần Thị Thu	Thủy	9	8		9	1	5	4	6	
35	K19 - 350	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	9	10		10	1	4	4	6	

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
36	K19 - 351	Bùi Thị Quỳnh	Trang	\	\	\	\	\		\		Bỏ thi
37	K19 - 352	Lê Thị	Trang	10	10	~~10~~	10	4 4		6		G
38	K19 - 353	Lưu Thu	Trang	\	\	\	\	\		\		Bỏ thi
39	K19 - 354	Trần Thị Thu	Trang	9	9		9	5		6		
40	K19 - 355	Trương Thị Thu	Trang	9	9		9	3		5		
41	K19 - 356	Ngô Thị Hồng	Vui	9	9		9	2	8	4	8	
42	K19 - 357	Diệp Thị Bình	Yến	9	9		9	2	1	4	4	
43	K19 - 358	Nguyễn Thị	Ánh	9	9		9	3		5		Đợt 3
44	K19 - 359	Nguyễn Thị	Trang	9	9		9	8		8		
45	K19 - 360	Phạm Thị	Bích	10	9		10	8		9		
46	K19 - 361	Nguyễn Thị	Hạnh	8	9		9	6		7		10/09/1996
47	K19 - 362	Hoàng Thị	Đầm	\	\		\	\		\		
48	K19 - 363	Trần Thị Minh	Thủy	\	\		\	\		\		
49	K19 - 364	Trần Thị Thu	Phương	9	9		9	5		6		
50	K19 - 365	Chansai	KONGCHAMPA	9	9		9	5		6		
51	K19 - 366	Khonemany	OUNMANYCHANH	9	9		9	6		7		

Ấn định danh sách lớp có: 51 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 42 **Số sinh viên không được dự thi:** 09

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 02 - 352, 346 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 02 - 352, 347, 348

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Trần Thị Minh Chang	Trần Thị Minh Ch	Nguyễn T. Thuỷ	Nguyễn Lê Thủy	
			4/8/2016	
	L2: Trần Thị Minh Chang	Nguyễn T. T. Thuỷ	Trần Thị Lan Anh	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A1 KÌ: II ....KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Quách Thị Kiều Dung

HỌC PHẦN: Những NLCB của CN Mác Lênin (L2+L3) HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Vấn

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 316	Nguyễn Thị Thùy	Anh	9	8	8	8	6		7		Đợt 1
2	K19 - 317	Lê Thị Lệ	Chi	9	8	8	8	6		7		
3	K19 - 318	Nguyễn Hà Huệ	Diễm	9	8	8	8	2	3	4	5	
4	K19 - 319	Đinh Thị Thùy	Dung	\	\	\	\	\		\		cấm thi
5	K19 - 320	Nguyễn Thị Kim	Dung	10	9	8	9	4		6		
6	K19 - 321	Phan Thị	Dung	10	9	9	9	3		5		
7	K19 - 322	Ngô Thị Hương	Giang	10	9	8	9	1	3	4	5	
8	K19 - 323	Nguyễn Thị	Hà	9	8	8	8	3		5		
9	K19 - 324	Bùi Thị Hồng	Hải	8	8	8	8	3		5		
10	K19 - 325	Nguyễn Thị	Hạnh	9	8	8	8	4		5		
11	K19 - 326	Văn Thị	Hạnh	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
12	K19 - 327	Hoàng Thị Thu	Hằng	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
13	K19 - 328	Phạm Thị Thanh	Hằng	9	8	8	8	0		3	3	Vắng L1, Bắn
14	K19 - 329	Hoàng Thị Thu	Hiền	10	9	9	9	5		6		
15	K19 - 330	Hoàng Thu	Hiền	10	9	9	9	6		7		
16	K19 - 331	Nguyễn Thị	Hiền	10	9	9	9	4		6		
17	K19 - 332	Nguyễn Thị	Hoa	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
18	K19 - 333	Lê Thanh	Huyền	10	9	9	9	2	3	4	5	
19	K19 - 334	Phùng Thị	Hương	9	8	8	8	5		5		
20	K19 - 335	Vương Thị Thu	Hương	9	8	8	8	6		7		
21	K19 - 336	Bùi Thị Bích	Hường	9	8	8	8	3		5		
22	K19 - 337	Nguyễn Hoài	Linh	9	8	8	8	5		6		
23	K19 - 338	Vương Mỹ	Linh	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
24	K19 - 339	Trương Thị	Mai	9	8	8	8	7		7		
25	K19 - 340	Đào Thị	Nga	9	8	8	8	5		6		
26	K19 - 341	Nguyễn Thị	Nga	9	8	8	8	5		6		
27	K19 - 342	Trần Thùy	Ngân	10	9	8	9	5		6		
28	K19 - 343	Bùi Bích	Phương	10	9	9	9	6		7		29/08/1997
29	K19 - 344	Đỗ Minh	Phương	9	8	8	8	7		7		
30	K19 - 345	Bùi Bích	Phương	10	9	9	9	9		9		16/10/1993
31	K19 - 346	Phùng Thị Hương	Thảo	9	8	8	8	5		6		
32	K19 - 347	Trần Thị	Thơm	9	8	8	8	4		5		
33	K19 - 348	Đàm Thị	Thu	9	8	8	8	6		7		
34	K19 - 349	Trần Thị Thu	Thủy	9	8	8	8	6		7		
35	K19 - 350	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	9	8	8	8	7		7		

TT	SBD (Mã số SV)		HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
					Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
36	K19 -	351	Bùi Thị Quỳnh	Trang	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
37	K19 -	352	Lê Thị	Trang	9	8	8	8	6		7		
38	K19 -	353	Lưu Thu	Trang	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
39	K19 -	354	Trần Thị Thu	Trang	9	8	8	8	7		7		
40	K19 -	355	Trương Thị Thu	Trang	9	8	8	8	5		6		
41	K19 -	356	Ngô Thị Hồng	Vui	9	8	8	8	7		7		
42	K19 -	357	Diệp Thị Bình	Yến	9	8	8	8	6		7		
43	K19 -	358	Nguyễn Thị	Ánh	9	9	8	8	6		7		Đợt 3
44	K19 -	359	Nguyễn Thị	Trang	9	8	8	8	7		7		
45	K19 -	360	Phạm Thị	Bích	9	8	8	8	7		7		
46	K19 -	361	Nguyễn Thị	Hạnh	9	8	8	8	6		7		
47	K19 -	362	Hoàng Thị	Đầm	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
48	K19 -	363	Trần Thị Minh	Thúy	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
49	K19 -	364	Trần Thị Thu	Phương	9	8	8	8	6		7		
50	K19 -	365	Chansai	KONGCHAMPA	9	9	9	9	6		7		
51	K19 -	366	Khonemany	OUNMANYCHANH	9	9	9	9	7		8		

Ấn định danh sách lớp có: 51 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 42/51 **Số sinh viên không được dự thi:** 09 (319, 326, 327, 332, 338, 351, 353, 362, 363)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Quách T. Kiều Dung	Lường Thị Kim Dung	Quách Kiều Dung	Nguyễn Lệ Thuỷ 1/9/2016	
Ng T. Kim Chung	Quách T. Kiều Dung	Trần Thị Lan Anh		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A1 KÌ: II KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Đỗ Thị Loan, Lê Kim Bái Yến

HỌC PHẦN: Cơ sở văn hóa VN HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)		HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
					Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 -	316	Nguyễn Thị Thúy	Anh	10	9		10	7		8		Đợt 1
2	K19 -	317	Lê Thị Lệ	Chi	10	9		10	3		5		
3	K19 -	318	Nguyễn Hà Huệ	Diễm	8	9		9	0	3	3	5	Vắng L1
4	K19 -	319	Đinh Thị Thùy	Dung	0	0		0	0		0		Kô học
5	K19 -	320	Nguyễn Thị Kim	Dung	8	9		9	0	2	3	4	
6	K19 -	321	Phan Thị	Dung	9	10		10	1	4	4	6	
7	K19 -	322	Ngô Thị Hương	Giang	8	9		9	3		5		
8	K19 -	323	Nguyễn Thị	Hà	8	9		9	1	2	4	4	
9	K19 -	324	Bùi Thị Hồng	Hải	5	9		7	4		5		
10	K19 -	325	Nguyễn Thị	Hạnh	10	9		10	3		5		25/07/1996
11	K19 -	326	Văn Thị	Hạnh	0	0		0	0		0		kô học
12	K19 -	327	Hoàng Thị Thu	Hằng	0	0		0	0		0		kô học
13	K19 -	328	Phạm Thị Thanh	Hằng	5	9		7	0	0	2	2	Vắng L1, L2
14	K19 -	329	Hoàng Thị Thu	Hiền	10	9		10	1	4	4	6	
15	K19 -	330	Hoàng Thu	Hiền	10	9		10	3		5		
16	K19 -	331	Nguyễn Thị	Hiền	9	10		10	1	2	4	5	
17	K19 -	332	Nguyễn Thị	Hoa	0	0		0	0		0		kô học
18	K19 -	333	Lê Thanh	Huyền	10	9		10	2		5		
19	K19 -	334	Phùng Thị	Hương	10	10		10	3		5		
20	K19 -	335	Vương Thị Thu	Hương	10	9		10	3		5		
21	K19 -	336	Bùi Thị Bích	Hường	8	9		9	3		5		
22	K19 -	337	Nguyễn Hoài	Linh	10	9		10	3		5		
23	K19 -	338	Vương Mỹ	Linh	0	0		0	0		0		kô học
24	K19 -	339	Trương Thị	Mai	10	9		10	8		9		
25	K19 -	340	Đào Thị	Nga	8	9		9	7		8		
26	K19 -	341	Nguyễn Thị	Nga	10	9		10	3		5		
27	K19 -	342	Trần Thùy	Ngân	10	9		10	2		5		
28	K19 -	343	Bùi Bích	Phương	5	9		7	5		6		29/08/1997
29	K19 -	344	Đỗ Minh	Phương	10	9		10	3		5		
30	K19 -	345	Bùi Bích	Phương	10	10		10	7		8		16/10/1993
31	K19 -	346	Phùng Thị Hương	Thảo	10	9		10	2		5		
32	K19 -	347	Trần Thị	Thơm	10	9		10	3		5		
33	K19 -	348	Đàm Thị	Thu	10	9		10	4		6		
34	K19 -	349	Trần Thị Thu	Thủy	10	9		10	0	4	3	6	Vắng L1
35	K19 -	350	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	10	9		10	3		5		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
36	K19 - 351	Bùi Thị Quỳnh	Trang	0	0		0	0		0		Ko học
37	K19 - 352	Lê Thị	Trang	8	9		9	4		6		
38	K19 - 353	Lưu Thu	Trang	0	0		0	0		0		Ko học
39	K19 - 354	Trần Thị Thu	Trang	10	9		10	4		6		
40	K19 - 355	Trương Thị Thu	Trang	10	10		10	6		7		
41	K19 - 356	Ngô Thị Hồng	Vui	10	9		10	8	4	3	6	Vắng L1
42	K19 - 357	Diệp Thị Bình	Yến	10	9		10	3		5		
43	K19 - 358	Nguyễn Thị	Ánh	10	9		10	3		5		Đợt 3
44	K19 - 359	Nguyễn Thị	Trang	10	9		10	6		7		
45	K19 - 360	Phạm Thị	Bích	10	9		10	6		7		
46	K19 - 361	Nguyễn Thị	Hạnh	10	8		9	4		6		10/09/1996
47	K19 - 362	Hoàng Thị	Đầm	0	0		0	0		0		Ko học
48	K19 - 363	Trần Thị Minh	Thúy	0	0		0	0		0		Ko học
49	K19 - 364	Trần Thị Thu	Phương	10	10		10	2		5		
50	K19 - 365	Chansai	KONGCHAMPA	10	9		10	5		7		
51	K19 - 366	Khonemany	OUNMANYCHANH	10	9		10	3		5		

Ấn định danh sách lớp có: ~~51~~ 42 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: ~~42/42~~ **Số sinh viên không được dự thi:** 0

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Không **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 4

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Đỗ Thị Loan	Nguyễn Thanh Thủy		Nguyễn Lê Thuỷ	
Lê Kim Bảo Yến	Nguyễn T. T. Thuỷ	Nguyễn T. Vân Anh	1/9/2016 Trần Thị Lan Anh	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A1 KÌ: 2 KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Dương Thị Hồng Điệp

HỌC PHẦN: Tiếng Anh 2 HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)		HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
					Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 -	316	Nguyễn Thị Thúy	Anh	9	7		8	2	2	4	4	Đợt 1
2	K19 -	317	Lê Thị Lệ	Chi	9	7		8	1	5	3	6	
3	K19 -	318	Nguyễn Hà Huệ	Diễm	9	7		8	1	3	3	5	
4	K19 -	319	Đinh Thị Thùy	Dung	0	0		0	2		0		Cấm thi
5	K19 -	320	Nguyễn Thị Kim	Dung	9	7		8	2	3	4	5	
6	K19 -	321	Phan Thị	Dung	10	8		9	2	3	4	5	
7	K19 -	322	Ngô Thị Hương	Giang	10	8		9	3		5		
8	K19 -	323	Nguyễn Thị	Hà	10	8		9	1	3	4	5	
9	K19 -	324	Bùi Thị Hồng	Hải	10	8		9	2	3	4	5	
10	K19 -	325	Nguyễn Thị	Hạnh	9	7		8	2	3	4	5	25/07/1996
11	K19 -	326	Văn Thị	Hạnh	0	0		0	0		0		Cấm thi
12	K19 -	327	Hoàng Thị Thu	Hằng	0	0		0	0		0		Cấm thi
13	K19 -	328	Phạm Thị Thanh	Hằng	9	7		8	0	0	3	5	VL1 OP, VI,
14	K19 -	329	Hoàng Thị Thu	Hiền	10	8		9	2	3	4	5	
15	K19 -	330	Hoàng Thu	Hiền	9	7		8	2	3	4	5	
16	K19 -	331	Nguyễn Thị	Hiền	10	8		9	2	3	4	5	
17	K19 -	332	Nguyễn Thị	Hoa	0	0		0	0		0		Cấm thi
18	K19 -	333	Lê Thanh	Huyền	9	7		8	2	3	4	5	
19	K19 -	334	Phùng Thị	Hương	9	7		8	2	4	4	5	
20	K19 -	335	Vương Thị Thu	Hương	9	7		8	1	3	3	5	
21	K19 -	336	Bùi Thị Bích	Hường	10	8		9	2	3	4	5	
22	K19 -	337	Nguyễn Hoài	Linh	9	7		8	2	3	4	5	
23	K19 -	338	Vương Mỹ	Linh	0	0		0	0		0		Cấm thi
24	K19 -	339	Trương Thị	Mai	9	7		8	1	3	3	5	
25	K19 -	340	Đào Thị	Nga	10	8		9	2	4	4	6	
26	K19 -	341	Nguyễn Thị	Nga	9	7		8	1	3	3	5	
27	K19 -	342	Trần Thùy	Ngân	10	8		9	3		5		
28	K19 -	343	Bùi Bích	Phương	10	8		9	2	3	4	5	29/08/1997
29	K19 -	344	Đỗ Minh	Phương	10	8		9	3		5		
30	K19 -	345	Bùi Bích	Phương	10	8		9	3		5		16/10/1993
31	K19 -	346	Phùng Thị Hương	Thảo	9	7		8	4		5		
32	K19 -	347	Trần Thị	Thơm	9	7		8	3		5		
33	K19 -	348	Đàm Thị	Thu	10	8		9	2	5	4	6	
34	K19 -	349	Trần Thị Thu	Thủy	10	8		9	4		6		
35	K19 -	350	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	9	7		8	3		5		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
36	K19 - 351	Bùi Thị Quỳnh	Trang	0	0		0	0		0		Cấm thi
37	K19 - 352	Lê Thị	Trang	9	7		8	4		5		
38	K19 - 353	Lưu Thu	Trang	0	0		0	0		0		Cấm thi
39	K19 - 354	Trần Thị Thu	Trang	10	8		9	2	4	4	6	
40	K19 - 355	Trương Thị Thu	Trang	10	8		9	6		7		
41	K19 - 356	Ngô Thị Hồng	Vui	10	8		9	3		5		
42	K19 - 357	Diệp Thị Bình	Yến	9	7		8	5		6		
43	K19 - 358	Nguyễn Thị	Ánh	9	7		8	2	3	4	5	Đợt 3
44	K19 - 359	Nguyễn Thị	Trang	10	8		9	5		6		
45	K19 - 360	Phạm Thị	Bích	9	7		8	2	3	4	5	
46	K19 - 361	Nguyễn Thị	Hạnh	9	7		8	4		5		10/09/1996
47	K19 - 362	Hoàng Thị	Đầm	0	0		0	0		0		Cấm thi
48	K19 - 363	Trần Thị Minh	Thủy	0	0		0	0		0		Cấm thi
49	K19 - 364	Trần Thị Thu	Phương	10	8		9	2	2	4	4	
50	K19 - 365	Chansai	KONGCHAMPA	10	8		9	3		5		
51	K19 - 366	Khonemany	OUNMANYCHANH	9	7		8	3		5		

Ấn định danh sách lớp có: 51 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 42 **Số sinh viên không được dự thi:** 09

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Ko **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 01

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Dương Thị Hồng Điệp	Dương T. Hồng Điệp	Bùi Thị Thu	Nguyễn Lệ Thủy 11/9/2016	Trần Thị Lan Anh
	L2: Dương T. Hồng Điệp	L2: Bùi Thị Thu		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A2 KÌ: II KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Lê Thị Bích Hạnh

HỌC PHẦN: Sử học và sự PT TLTE LTMN HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 367	Dương Thế	Anh	9	8	9	9	4		6		Đợt 1
2	K19 - 368	Lã Thị Hải	Anh	9	6	7	7	4		5		
3	K19 - 369	Nguyễn Thị Lan	Anh	9	8	9	9	7		8		
4	K19 - 370	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	8	7	8	8	4		5		
5	K19 - 371	Phùng Quỳnh	Anh	8	7	8	8	3		5		
6	K19 - 372	Hoàng Thùy	Dung	9	8	9	9	6		7		
7	K19 - 373	Lưu Thị Thu	Hà	8	7	9	8	4		5		
8	K19 - 374	Nguyễn Thị Thu	Hà	8	8	8	8	2	3	4	5	
9	K19 - 375	Đặng Thị Hồng	Hạnh	8	8	9	8	6		7		
10	K19 - 376	Nguyễn Thị	Háo	8	8	9	8	2	8	4	8	
11	K19 - 377	Nguyễn Thị Thu	Hằng	8	6	8	7	4		5		
12	K19 - 378	Trần Thị	Hiền	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
13	K19 - 379	Vũ Thị	Hiền	8	8	8	8	0	4	3	5	VTQCLi
14	K19 - 380	Nguyễn Thị	Hoài	8	7	8	8	3		5		
15	K19 - 381	Hoàng Thị	Huệ	8	6	9	8	4		5		
16	K19 - 382	Dương Mai	Hương	/	/	/	/	/		/		Bỏ học
17	K19 - 383	Nguyễn Thị	Hương	8	8	8	8	2	4	4	5	
18	K19 - 384	Đào Thị Kim	Khánh	6	7	8	7	3	5	4	6	
19	K19 - 385	Nguyễn Thị	Lam	8	8	9	8	5		6		
20	K19 - 386	Dương Thị Phượng	Liên	8	7	9	8	3		5		
21	K19 - 387	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	7	7	7	7	3	3	4	4	
22	K19 - 388	Vũ Thị Mỹ	Linh	6	8	8	7	5		6		
23	K19 - 389	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	6	7	9	7	6		6		
24	K19 - 390	Nguyễn Thị Hà	My	9	8	9	9	6		7		
25	K19 - 391	Nguyễn Thị	Nga	8	8	8	8	5		6		
26	K19 - 392	Phạm Thị	Nga	7	7	8	7	2	4	4	5	
27	K19 - 393	Nguyễn Hoàng	Ngân	6	7	8	7	5		6		
28	K19 - 394	Nguyễn Thúy	Ngân	7	6	8	7	4		5		
29	K19 - 395	Đỗ Thị Bích	Ngọc	8	7	8	8	5		6		
30	K19 - 396	Lê Ánh	Nguyệt	8	7	8	8	4		5		
31	K19 - 397	Lê Thị	Nhung	9	8	9	9	5		6		
32	K19 - 398	Lưu Thị	Thúy	7	6	8	7	3	8	4	8	
33	K19 - 399	Trần Thị	Thư	8	7	8	8	4		5		
34	K19 - 400	Nguyễn Thị	Trang	9	8	9	9	6		7		515
35	K19 - 401	Nguyễn Thúy	Trang	9	8	9	9	5		6		
36	K19 - 402	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	8	7	8	8	0	0	3	3	VTL1 VTL2

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
37	K19 - **403**	Nguyễn Thị	Xuân	9	7	8	8	3		5		
38	K19 - **404**	Nguyễn Thị	Yên	8	7	8	8	3		5		
39	K19 - **405**	Nguyễn Thị	Diễn	7	8	9	8	3		5		Đợt 3
40	K19 - **406**	Không Thị	Hương	8	8	9	8	3		5		
41	K19 - **407**	Nguyễn Thị Lan	Hương	—	—	—	—	—		—		Bỏ học
42	K19 - **408**	Nguyễn Thị Bích	Loan	7	8	8	8	3		5		
43	K19 - **409**	Đỗ Thị	Phượng	7	9	8	8	4		5		
44	K19 - **410**	Trần Thị	Thanh	8	8	9	8	2	6	4	7	
45	K19 - **411**	Vũ Thị	Thu	9	8	8	8	3	0	5		VIL2
46	K19 - **412**	Hoàng Thị	Vân	6	6	8	7	2	5	4	6	
47	K19 - **413**	Đỗ Thị Hải	Yến	7	8	8	8	2	8	4	8	
48	K19 - **414**	Nguyễn Thị	Chang	8	7	9	8	2	0	4	3	VIL2 Đợt 5
49	K19 - **415**	Đặng Thị	Duyên	8	7	9	8	2	0	4	3	VIL2
50	K19 - **416**	Nguyễn Thị Hà	Trang	8	7	9	8	2	4	4	5	

Ấn định danh sách lớp có: 50 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 47 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (407, 378, 382)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Lê Thị Bích Hạnh	Lê Thị Bích Hạnh	Trần Thị Phương Thuyền	Nguyễn Lê Thủy	
	L2	L2 Nguyễn Thị Minh Thái	1/9/2016	
	Lê Thị Bích Hạnh	~~Trần Thị Phương Thuyền~~	Trần Thị Lan Anh	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A2 KÌ: 2 KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Hữu Chính

HỌC PHẦN: Giáo dục môi trường HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 367	Dương Thế	Anh	10	9		10	2		5		Đợt 1
2	K19 - 368	Lã Thị Hải	Anh	5	5		5	4	5	4	5	
3	K19 - 369	Nguyễn Thị Lan	Anh	10	9		10	7		8		
4	K19 - 370	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	6	6		6	4		5		
5	K19 - 371	Phùng Quỳnh	Anh	9	8		9	7		8		
6	K19 - 372	Hoàng Thùy	Dung	8	7		8	6		7		
7	K19 - 373	Lưu Thị Thu	Hà	9	8		9	2	6	4	7	
8	K19 - 374	Nguyễn Thị Thu	Hà	8	7		8	5		6		
9	K19 - 375	Đặng Thị Hồng	Hạnh	8	7		8	8		8		
10	K19 - 376	Nguyễn Thị	Hảo	10	9		10	4		6		
11	K19 - 377	Nguyễn Thị Thu	Hằng	5	5		5	4	5	4	5	
12	K19 - 378	Trần Thị	Hiền	0	0		0	0		0		Bỏ học
13	K19 - 379	Vũ Thị	Hiền	8	7		8	6		7		
14	K19 - 380	Nguyễn Thị	Hoài	8	7		8	2	4	4	5	
15	K19 - 381	Hoàng Thị	Huệ	9	8		9	7		8		
16	K19 - 382	Dương Mai	Hương	0	0		0	0		0		B. học
17	K19 - 383	Nguyễn Thị	Hương	9	8		9	6		7		
18	K19 - 384	Đào Thị Kim	Khánh	8	8		8	3		5		
19	K19 - 385	Nguyễn Thị	Lam	10	9		10	5		7		
20	K19 - 386	Dương Thị Phượng	Liên	9	8		9	7		8		
21	K19 - 387	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	8	7		8	6		7		
22	K19 - 388	Vũ Thị Mỹ	Linh	7	7		7	5		6		
23	K19 - 389	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	9	9		9	5		6		
24	K19 - 390	Nguyễn Thị Hà	My	10	9		10	5		7		
25	K19 - 391	Nguyễn Thị	Nga	10	9		10	3		5		
26	K19 - 392	Phạm Thị	Nga	7	7		7	4		5		
27	K19 - 393	Nguyễn Hoàng	Ngân	9	8		9	5		6		
28	K19 - 394	Nguyễn Thùy	Ngân	7	7		7	4		5		
29	K19 - 395	Đỗ Thị Bích	Ngọc	8	8		8	5		6		
30	K19 - 396	Lê Ánh	Nguyệt	9	9		9	2	6	4	7	
31	K19 - 397	Lê Thị	Nhung	10	9		10	8		9		
32	K19 - 398	Lưu Thị	Thùy	7	7		7	2	4	4	5	
33	K19 - 399	Trần Thị	Thư	9	8		9	2	5	4	6	
34	K19 - 400	Nguyễn Thị	Trang	9	8		9	4		6		
35	K19 - 401	Nguyễn Thùy	Trang	10	9		10	5		7		
36	K19 - 402	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	7	6		7	2	0	2	2	Vắng KP 1,2

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
37	K19 - **403**	Nguyễn Thị	Xuân	8	7		8	5		6		
38	K19 - **404**	Nguyễn Thị	Yên	7	7		7	5		6		
39	K19 - **405**	Nguyễn Thị	Diễn	6	6		6	4		5		Đợt 3
40	K19 - **406**	Khổng Thị	Hương	9	8		9	6		7		
41	K19 - **407**	Nguyễn Thị Lan	Hương	0	0		0	0		0		B. học
42	K19 - **408**	Nguyễn Thị Bích	Loan	8	8		8	5		6		
43	K19 - **409**	Đỗ Thị	Phượng	10	9		10	6		7		
44	K19 - **410**	Trần Thị	Thanh	9	8		9	4		6		
45	K19 - **411**	Vũ Thị	Thu	9	8		9	3		5		
46	K19 - **412**	Hoàng Thị	Vân	8	8		8	4		5		
47	K19 - **413**	Đỗ Thị Hải	Yến	9	8		9	5		6		
48	K19 - **414**	Nguyễn Thị	Chang	8	7		8	5		6		Đợt 5
49	K19 - **415**	Đặng Thị	Duyên	7	7		7	3	0	4	2	Vắng thi
50	K19 - **416**	Nguyễn Thị Hà	Trang	8	7		8	3		5		

Ấn định danh sách lớp có: 50 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 47 **Số sinh viên không được dự thi:** 3 (378, 382, 407)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 2

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Nguyễn Hữu Thắng	Lê Đoàn Thế Anh	Lương Thị Linh	Nguyễn Lê Thuỷ 1/9/2016	Trần Thị Lan Anh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A2 KÌ: 1 KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Trần Thị Hồng Loan

HỌC PHẦN: Văn học thiếu nhi HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 367	Dương Thế	Anh	7	7		7	4		5		Đợt 1
2	K19 - 368	Lã Thị Hải	Anh	6	5		2	0		1		Cấm thi
3	K19 - 369	Nguyễn Thị Lan	Anh	9	8		8	7		7		
4	K19 - 370	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	7	6		6	5		6		
5	K19 - 371	Phùng Quỳnh	Anh	8	6		7	8		8		
6	K19 - 372	Hoàng Thùy	Dung	8	7		7	6		6		
7	K19 - 373	Lưu Thị Thu	Hà	8	6		7	4		5		
8	K19 - 374	Nguyễn Thị Thu	Hà	8	7		7	5		6		
9	K19 - 375	Đặng Thị Hồng	Hạnh	8	7		7	6		6		
10	K19 - 376	Nguyễn Thị	Hào	8	6		7	5		6		
11	K19 - 377	Nguyễn Thị Thu	Hằng	8	7		7	4		5		
~~12~~	~~K19 - 378~~	~~Trần Thị~~	~~Hiền~~	-	-		-					Bỏ học
13	K19 - 379	Vũ Thị	Hiền	8	7		7	6		6		
14	K19 - 380	Nguyễn Thị	Hoài	8	7		7	4		5		
15	K19 - 381	Hoàng Thị	Huệ	8	7		7	5		6		
~~16~~	~~K19 - 382~~	~~Dương Mai~~	~~Hương~~	-	-		-					Bỏ học
17	K19 - 383	Nguyễn Thị	Hương	8	7		7	5		6		
18	K19 - 384	Đào Thị Kim	Khánh	6	5		5	6		6		
19	K19 - 385	Nguyễn Thị	Lam	8	6		7	4		5		
20	K19 - 386	Dương Thị Phượng	Liên	8	6		7	6		6		
21	K19 - 387	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	8	6		7	6		6		
22	K19 - 388	Vũ Thị Mỹ	Linh	8	6		7	7		7		
23	K19 - 389	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	8	7		7	5		6		
24	K19 - 390	Nguyễn Thị Hà	My	8	5		6	5		5		
25	K19 - 391	Nguyễn Thị	Nga	8	6		7	7		7		
26	K19 - 392	Phạm Thị	Nga	8	6		7	4		5		
27	K19 - 393	Nguyễn Hoàng	Ngân	8	8		8	7		7		
28	K19 - 394	Nguyễn Thùy	Ngân	8	8		8	7		7		
29	K19 - 395	Đỗ Thị Bích	Ngọc	7	7		7	5		6		
30	K19 - 396	Lê Ánh	Nguyệt	8	6		7	5		6		
31	K19 - 397	Lê Thị	Nhung	8	8		8	7		7		
32	K19 - 398	Lưu Thị	Thùy	8	8		8	6		7		
33	K19 - 399	Trần Thị	Thư	8	5		6	6		6		
34	K19 - 400	Nguyễn Thị	Trang	8	8		8	8		8		
35	K19 - 401	Nguyễn Thùy	Trang	8	6		7	5		6		
36	K19 - 402	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	8	6		7	3	9	4	2	VLL

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
37	K19 - **403**	Nguyễn Thị	Xuân	8	6		7	5		6		
38	K19 - **404**	Nguyễn Thị	Yến	8	8		8	7		7		
39	K19 - **405**	Nguyễn Thị	Diễn	8	8		8	6		7		Đợt 3
40	K19 - **406**	Khổng Thị	Hương	8	6		7	4		5		
~~41~~	~~K19 - **407**~~	~~Nguyễn Thị Lan~~	~~Hương~~									Bỏ học
42	K19 - **408**	Nguyễn Thị Bích	Loan	8	5		6	5		5		
43	K19 - **409**	Đỗ Thị	Phượng	8	6		7	4		5		
44	K19 - **410**	Trần Thị	Thanh	8	6		7	5		6		
45	K19 - **411**	Vũ Thị	Thu	8	6		7	5		6		
46	K19 - **412**	Hoàng Thị	Vân	8	5		6	4		5		
47	K19 - **413**	Đỗ Thị Hải	Yến	8	6		7	4		5		
48	K19 - **414**	Nguyễn Thị	Chang	8	6		7	3	1	4	2	Vắng Đợt 5
49	K19 - **415**	Đặng Thị	Duyên	8	6		7	4		5		
50	K19 - **416**	Nguyễn Thị Hà	Trang	8	6		7	3	4	4	5	

Ấn định danh sách lớp có: 50 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 46/47 **Số sinh viên không được dự thi:** 01: 368

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Không **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** Không

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Trịnh Thùy Loan	Trịnh Thùy Loan	Đỗ Thị Bích Phượng	Nguyễn Đỗ Thuỷ 1/9/2016	Trần Thị Lan Anh
L2:	Trịnh Thùy Loan	Đ. T. Bích Phượng		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A2 KÌ: II KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Trần Thị Minh Trang

HỌC PHẦN: Xã hội học HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 367	Dương Thế	Anh	10	9		10	7		8		Đợt 1
2	K19 - 368	Lã Thị Hải	Anh	10	9		10	1	3	4	5	
3	K19 - 369	Nguyễn Thị Lan	Anh	8	9		9	6		7		
4	K19 - 370	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	8	9		9	6		7		
5	K19 - 371	Phùng Quỳnh	Anh	9	9		9	6		7		
6	K19 - 372	Hoàng Thùy	Dung	9	9		9	6		7		
7	K19 - 373	Lưu Thị Thu	Hà	9	9		9	2	2	4	4	
8	K19 - 374	Nguyễn Thị Thu	Hà	9	8		9	5		6		
9	K19 - 375	Đặng Thị Hồng	Hạnh	9	9		9	7		8		
10	K19 - 376	Nguyễn Thị	Hảo	9	9		9	2	5	4	6	
11	K19 - 377	Nguyễn Thị Thu	Hằng	9	9		9	6		7		
12	K19 - 378	Trần Thị	Hiền	\	\		\	\		\		Bỏ học
13	K19 - 379	Vũ Thị	Hiền	9	9		9	7		8		
14	K19 - 380	Nguyễn Thị	Hoài	9	10		10	1	4	4	6	
15	K19 - 381	Hoàng Thị	Huệ	9	10		10	8		9		
16	K19 - 382	Dương Mai	Hương	\	\		\	\		\		Bỏ học
17	K19 - 383	Nguyễn Thị	Hương	9	10		10	5		7		
18	K19 - 384	Đào Thị Kim	Khánh	8	9		9	4		6		
19	K19 - 385	Nguyễn Thị	Lam	9	9		9	2	3	4	5	
20	K19 - 386	Dương Thị Phượng	Liên	9	8		9	5		6		
21	K19 - 387	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	9	9		9	6		7		
22	K19 - 388	Vũ Thị Mỹ	Linh	9	8		9	7		8		
23	K19 - 389	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	9	9		9	5		6		
24	K19 - 390	Nguyễn Thị Hà	My	9	8		9	5		6		
25	K19 - 391	Nguyễn Thị	Nga	9	8		9	2	4	4	6	
26	K19 - 392	Phạm Thị	Nga	9	8		9	5		6		
27	K19 - 393	Nguyễn Hoàng	Ngân	9	9		9	4		6		
28	K19 - 394	Nguyễn Thùy	Ngân	8	9		9	4		6		
29	K19 - 395	Đỗ Thị Bích	Ngọc	9	8		9	5		6		
30	K19 - 396	Lê Ánh	Nguyệt	9	8		9	6		7		
31	K19 - 397	Lê Thị	Nhung	9	9		9	9		9		
32	K19 - 398	Lưu Thị	Thủy	9	9		9	5		6		
33	K19 - 399	Trần Thị	Thư	9	9		9	5		6		
34	K19 - 400	Nguyễn Thị	Trang	9	9		9	8		8		
35	K19 - 401	Nguyễn Thùy	Trang	10	9		10	5		7		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
36	K19 - 402	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	9	8		9	4		6		
37	K19 - 403	Nguyễn Thị	Xuân	9	9		9	5		6		
38	K19 - 404	Nguyễn Thị	Yên	9	8		9	4		6		
39	K19 - 405	Nguyễn Thị	Diễn	9	9		9	4		6		Đợt 3
40	K19 - 406	Khổng Thị	Hương	9	9		9	4		6		
41	K19 - 407	Nguyễn Thị Lan	Hương	\	\		\	\		\		Bỏ học
42	K19 - 408	Nguyễn Thị Bích	Loan	9	8		9	5		6		
43	K19 - 409	Đỗ Thị	Phượng	9	9		9	6		7		
44	K19 - 410	Trần Thị	Thanh	9	8		9	8		8		
45	K19 - 411	Vũ Thị	Thu	9	8		9	5		6		
46	K19 - 412	Hoàng Thị	Vân	8	8		8	4		5		
47	K19 - 413	Đỗ Thị Hải	Yến	9	9		9	6		7		
48	K19 - 414	Nguyễn Thị	Chang	9	9		9	4		6		Đợt 5
49	K19 - 415	Đặng Thị	Duyên	9	8		9	6		7		
50	K19 - 416	Nguyễn Thị Hà	Trang	9	8		9	5		6		

Ấn định danh sách lớp có: 50 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 47 **Số sinh viên không được dự thi:** 03

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Trần Thị Minh Giang	Trần Thị Minh Giang	Nguyễn T. Thủy	Nguyễn Lê Thủy	Trần Thị Lan Anh

1/9/2016

L2: Trần Thị Minh Giang

Nguyễn T. T. Thủy

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A2 KÌ: 2 KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Đỗ Thị Cẩm Vân

HỌC PHẦN: Tiếng Anh 2 HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 367	Dương Thế	Anh	9	8		9	4		6		Đợt 1
2	K19 - 368	Lã Thị Hải	Anh	8	7		8	3		5		
3	K19 - 369	Nguyễn Thị Lan	Anh	8	7		8	4		5		
4	K19 - 370	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	8	7		8	5		6		
5	K19 - 371	Phùng Quỳnh	Anh	9	8		9	2	4	4	6	
6	K19 - 372	Hoàng Thùy	Dung	8	6		7	5		6		
7	K19 - 373	Lưu Thị Thu	Hà	8	7		8	3		5		
8	K19 - 374	Nguyễn Thị Thu	Hà	8	7		8	3		5		
9	K19 - 375	Đặng Thị Hồng	Hạnh	8	7		8	3		5		
10	K19 - 376	Nguyễn Thị	Hảo	9	8		9	2	4	4	6	
11	K19 - 377	Nguyễn Thị Thu	Hằng	8	6		7	5		6		
12	K19 - 378	Trần Thị	Hiền	/	/		/	/		/		Bỏ học
13	K19 - 379	Vũ Thị	Hiền	9	8		9	3		5		
14	K19 - 380	Nguyễn Thị	Hoài	8	6		7	1	1	3	3	
15	K19 - 381	Hoàng Thị	Huệ	8	7		8	5		6		
16	K19 - 382	Dương Mai	Hương	/	/		/	/		/		Bỏ học
17	K19 - 383	Nguyễn Thị	Hương	8	7		8	6		7		
18	K19 - 384	Đào Thị Kim	Khánh	8	7		8	4		5		
19	K19 - 385	Nguyễn Thị	Lam	8	6		7	5		6		
20	K19 - 386	Dương Thị Phượng	Liên	9	8		9	3		5		
21	K19 - 387	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	8	7		8	4		5		
22	K19 - 388	Vũ Thị Mỹ	Linh	8	6		7	3	3	4	4	
23	K19 - 389	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	8	7		8	2	3	4	5	
24	K19 - 390	Nguyễn Thị Hà	My	8	7		8	2	3	4	5	
25	K19 - 391	Nguyễn Thị	Nga	8	6		7	4		5		
26	K19 - 392	Phạm Thị	Nga	8	6		7	1	4	3	5	
27	K19 - 393	Nguyễn Hoàng	Ngân	8	7		8	1	4	3	5	
28	K19 - 394	Nguyễn Thùy	Ngân	8	7		8	1	4	3	5	
29	K19 - 395	Đỗ Thị Bích	Ngọc	8	6		7	1	5	3	6	
30	K19 - 396	Lê Ánh	Nguyệt	8	7		8	5		6		
31	K19 - 397	Lê Thị	Nhung	9	8		9	5		6		
32	K19 - 398	Lưu Thị	Thủy	8	7		8	1	4	3	5	
33	K19 - 399	Trần Thị	Thư	8	7		8	1	4	3	5	
34	K19 - 400	Nguyễn Thị	Trang	8	7		8	1	4	3	5	
35	K19 - 401	Nguyễn Thùy	Trang	9	8		9	2	3	4	5	
36	K19 - 402	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	8	7		8	2	2	4	3	Vắng L2

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
37	K19 - **403**	Nguyễn Thị	Xuân	9	8		9	1	4	4	6	
38	K19 - **404**	Nguyễn Thị	Yên	8	7		8	1	5	3	6	
39	K19 - **405**	Nguyễn Thị	Diễn	9	8		9	3		5		Đợt 3
40	K19 - **406**	Khổng Thị	Hương	8	7		8	2	4	4	5	
41	K19 - **407**	Nguyễn Thị Lan	Hương	/	/		/	/		/		bỏ học
42	K19 - **408**	Nguyễn Thị Bích	Loan	8	7		8	2	6	4	7	
43	K19 - **409**	Đỗ Thị	Phượng	8	7		8	4		5		
44	K19 - **410**	Trần Thị	Thanh	8	6		7	2	4	4	5	
45	K19 - **411**	Vũ Thị	Thu	8	6		7	2	4	4	5	
46	K19 - **412**	Hoàng Thị	Vân	8	6		7	1	5	3	6	
47	K19 - **413**	Đỗ Thị Hải	Yến	8	6		7	2	5	4	6	
48	K19 - **414**	Nguyễn Thị	Chang	8	7		8	2	0 4	4	3	Vắng L_2 Đợt 5
49	K19 - **415**	Đặng Thị	Duyên	8	7		8	1	0	3	3	Vắng L_2
50	K19 - **416**	Nguyễn Thị Hà	Trang	8	7		8	2	4	4	5	

Ấn định danh sách lớp có: 50 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 47 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (338, 352, 403)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Không **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** Không + O_1 (414)

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Đỗ Thị Cẩm Vân	Dương Hồng Điệp	Lê Thị Thuỷ	Nguyễn Lệ Thuỷ 1/9/2016	
	L_2: Phạm Thị Vân	L_2: Bùi Thị Thu		Trần Thị Lan Anh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC MẦM NON A2 KÌ: II ....KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Quách Thị Kiều Dung

HỌC PHẦN: Những NLC.B của CN Mác - Lênin (P1+2) HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Tốn

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 367	Dương Thế	Anh	9	8	8	8	4		5		Đợt 1
2	K19 - 368	Lã Thị Hải	Anh	9	8	8	8	3		5		
3	K19 - 369	Nguyễn Thị Lan	Anh	9	8	8	8	4		5		
4	K19 - 370	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	9	8	8	8	5		6		
5	K19 - 371	Phùng Quỳnh	Anh	10	8	9	9	4		6		
6	K19 - 372	Hoàng Thùy	Dung	10	8	9	9	6		7		
7	K19 - 373	Lưu Thị Thu	Hà	10	8	9	9	3		5		
8	K19 - 374	Nguyễn Thị Thu	Hà	8	8	8	8	4		5		
9	K19 - 375	Đặng Thị Hồng	Hạnh	9	8	8	8	4		5		
10	K19 - 376	Nguyễn Thị	Hảo	9	8	8	8	3		5		
11	K19 - 377	Nguyễn Thị Thu	Hằng	9	8	8	8	4		5		
12	K19 - 378	Trần Thị	Hiền	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
13	K19 - 379	Vũ Thị	Hiền	9	8	8	8	5		6		
14	K19 - 380	Nguyễn Thị	Hoài	9	9	9	9	3		5		
15	K19 - 381	Hoàng Thị	Huệ	10	8	9	9	6		7		
16	K19 - 382	Dương Mai	Hương	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
17	K19 - 383	Nguyễn Thị	Hương	9	8	8	8	5		6		
18	K19 - 384	Đào Thị Kim	Khánh	9	8	8	8	4		5		
19	K19 - 385	Nguyễn Thị	Lam	9	8	8	8	5		6		
20	K19 - 386	Dương Thị Phượng	Liên	9	9	9	9	5		6		
21	K19 - 387	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	9	8	8	8	5		6		
22	K19 - 388	Vũ Thị Mỹ	Linh	9	8	8	8	8		8		
23	K19 - 389	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	10	8	9	9	6		7		
24	K19 - 390	Nguyễn Thị Hà	My	9	8	8	8	5		6		
25	K19 - 391	Nguyễn Thị	Nga	10	9	8	9	6		7		
26	K19 - 392	Phạm Thị	Nga	10	8	9	9	3		5		
27	K19 - 393	Nguyễn Hoàng	Ngân	10	8	9	9	2	3	4	5	
28	K19 - 394	Nguyễn Thùy	Ngân	10	8	9	9	1	1	4	4	
29	K19 - 395	Đỗ Thị Bích	Ngọc	9	8	8	8	5		6		
30	K19 - 396	Lê Ánh	Nguyệt	9	8	8	8	4		5		
31	K19 - 397	Lê Thị	Nhung	10	9	9	9	5		6		
32	K19 - 398	Lưu Thị	Thùy	9	8	8	8	2	2	4	4	
33	K19 - 399	Trần Thị	Thư	9	8	8	8	1	3	3	5	
34	K19 - 400	Nguyễn Thị	Trang	10	8	9	9	3		5		
35	K19 - 401	Nguyễn Thùy	Trang	9	8	8	8	3		5		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
36	K19 - 402	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	9	8	8	8	0	0	3	3	Bỏ học
37	K19 - 403	Nguyễn Thị	Xuân	10	8	9	9	4		6		
38	K19 - 404	Nguyễn Thị	Yên	9	8	8	8	3		5		
39	K19 - 405	Nguyễn Thị	Diễn	8	8	8	8	3		5		Đợt 3
40	K19 - 406	Khổng Thị	Hương	8	8	8	8	3		5		
41	K19 - 407	Nguyễn Thị Lan	Hương	\	\	\	\	\		\		Cấm thi
42	K19 - 408	Nguyễn Thị Bích	Loan	9	8	8	8	5		6		
43	K19 - 409	Đỗ Thị	Phượng	10	9	9	9	4		6		
44	K19 - 410	Trần Thị	Thanh	9	8	8	8	4		5		
45	K19 - 411	Vũ Thị	Thu	9	8	8	8	4		5		
46	K19 - 412	Hoàng Thị	Vân	9	8	8	8	2	3	4	5	
47	K19 - 413	Đỗ Thị Hải	Yến	10	9	8	9	4		6		
48	K19 - 414	Nguyễn Thị	Chang	9	8	8	8	2	0	4	3	Đợt 5
49	K19 - 415	Đặng Thị	Duyên	9	8	8	8	3		5		
50	K19 - 416	Nguyễn Thị Hà	Trang	9	8	8	8	3		5		

Ấn định danh sách lớp có: 50 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 47/50 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (378; 382; 407)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Quách Thị Kiều Dung	Ng Thị Phượng	Ng T. Kim Chung	Nguyễn Lê Thủy 1/9/2016	Trần Thị Lan Anh
	Ng.T. Kim Chung	Quách T. Kiều Dung		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC MẦM NON A3 KÌ: 4 KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Hoàng Thị Hường

HỌC PHẦN: PPCNTT trong GD MN HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thực hành

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 458	Dương Thị	Hà	9	7	9	8	8		8		
2	K18 - 459	Nguyễn Mỹ	Hạnh	8	8	7	8	3		5		
3	K18 - 460	Nguyễn Thị	Hằng	6	5	9	7	5		6		
4	K18 - 461	Triệu Thị	Hiền	10	8	9	9	7		8		
5	K18 - 462	Nguyễn Thị	Hiền	8	6	9	8	6		7		
6	K18 - 463	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	10	9	10	10	9		9		
7	K18 - 464	Lê Thị	Hoa	9	7	9	8	5		6		
8	K18 - 465	Trần Thị Thanh	Huệ	8	9	8	8	2	8	4	8	
9	K18 - 466	Trần Thị	Huyền	9	6	8	8	9		9		
10	K18 - 467	Trần Thanh	Huyền	BỎ HỌC								
11	K18 - 468	Phùng Thị	Hương	8	5	8	7	8		8		
12	K18 - 469	Đỗ Thị Lan	Hương	9	6	8	8	2	5	4	6	
13	K18 - 470	Hà Thị Lan	Hương	6	8	6	7	5		6		
14	K18 - 471	Hoàng Thị	Hường	BỎ HỌC								
15	K18 - 472	Nguyễn Thị Thu	Hường	10	8	9	9	9		9		
16	K18 - 473	Nguyễn Thị	Hường	8	7	9	8	10		9		
17	K18 - 474	Lê Thị	Lan	8	7	8	8	7		7		
18	K18 - 475	Trần Thị Thùy	Linh	BỎ HỌC								
19	K18 - 476	Đỗ Thị Hồng	Nhung	8	7	8	8	5		6		
20	K18 - 477	Ngô Thị Kim	Oanh	9	7	7	8	8		8		
21	K18 - 478	Nguyễn Thị	Phượng	9	7	9	8	8		8		
22	K18 - 479	Nguyễn Thị	Quyên	8	7	7	7	8		8		
23	K18 - 480	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	BỎ HỌC								
24	K18 - 481	Nguyễn Thúy	Quỳnh	9	7	7	8	6		7		
25	K18 - 482	Đỗ Thị	Thanh	10	9	8	9	9		9		
26	K18 - 483	Trần Thị	Thanh	8	8	6	7	6		6		
27	K18 - 484	Lê Thị	Thảo	10	8	9	9	9		9		
28	K18 - 485	Đào Thị Hồng	Thắm	9	7	9	8	7		7		
29	K18 - 486	Chu Thị	Thiện	10	7	9	9	8		8		
30	K18 - 487	Bùi Thị	Thu	9	7	8	8	2	7	4	7	
31	K18 - 488	Phạm Thị Hồng	Thúy	9	5	9	8	6		7		
32	K18 - 489	Đỗ Thị	Thúy	BỎ HỌC								
33	K18 - 490	Nguyễn Thị	Thúy	9	6	8	8	7		7		
34	K18 - 491	Nguyễn Thị Thu	Thúy	10	8	8	9	8		8		
35	K18 - 492	Nguyễn Thị Thu	Thúy	9	9	9	9	9		9		24/10/1996
36	K18 - 493	Nguyễn Thị	Thúy	9	7	7	8	8		8		
37	K18 - 494	Nguyễn Thị Thu	Thúy	7	5	8	7	4		5		06/05/1996

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
38	K18 - 495	Doãn Thanh	Thủy	7	5	9	7	6		6		
39	K18 - 496	Đàm Thị	Thủy	10	8	8	9	6		7		
40	K18 - 497	Lê Thị Thủy	Tiên	BỎ HỌC								
41	K18 - 498	Nguyễn Thị	Toan	9	7	9	8	8		8		
42	K18 - 499	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
43	K18 - 500	Phạm Minh	Trang	9	7	7	8	4		5		
44	K18 - 501	Hà Thị Huyền	Trang	10	8	8	9	7		8		
45	K18 - 502	Phạm Thị Thu	Trang	9	7	9	8	9		9		
46	K18 - 503	Nguyễn Thị	Trang	8	8	7	8	6		7		
47	K18 - 504	Nguyễn Thị Huyền	Trang	9	6	8	8	8		8		
48	K18 - 505	Hà Thị Thu	Trang	10	8	9	9	9		9		
49	K18 - 506	Lê Thị Thủy	Trang	9	5	9	8	9		9		
50	K18 - 507	Trần Thị	Trinh	7	6	7	7	6		6		
51	K18 - 508	Kiều Thị	Tuyết	BỎ HỌC								
52	K18 - 509	Ôn Thị	Tuyết	9	6	8	8	5		6		
53	K18 - 510	Hoàng Thị	Tuyết	9	5	7	7	9		8		
54	K18 - 511	Vũ Thị Thanh	Tuyền	8	7	8	8	4		5		
55	K18 - 512	Lê Thị Thu	Uyên	9	6	8	8	7		7		
56	K18 - 513	Hoàng Thị	Vi	9	7	9	8	9		9		
57	K18 - 514	Trần Thị	Vượng	9	6	9	8	8		8		
58	K18 - 515	Phùng Thị Thanh	Xuân	NGỪNG HỌC NĂM HỌC 2015-2016								
59	K18 - 516	Phan Thị Thanh	Xuân	3	8	0	4	0		1		Cấm thi
60	K18 - 517	Nguyễn Thị	Xuyến	8	6	8	7	3	6	4	6	
61	K18 - 518	Nguyễn Thị Hải	Yến	10	9	9	9	9		9		
62	K18 - 519	Nguyễn Thị	Yến	9	6	9	8	9		9		
63	K18 - 520	Nguyễn Thị	Yến	0	0	0	0	0		0		22/12/1994 Cấm thi

Ấn định danh sách lớp có: 54 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 51 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (K18: 492, 516, 520)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 03 *tháng* 6 *năm* 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Lương Thị Hường	Lương Thị Hường	Lương T. Bằng Vân	Nguyễn Lệ Thuỷ 1/9/2016	Trần Thị Lan Anh
	Đỗ T. Hải Hà	Vũ Đức Giang		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC MẦM NON A3 KÌ: IV ...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: ...Đỗ T. Bích Phương...

HỌC PHẦN: Tiếp cận TV trong TNN ...HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 458	Dương Thị	Hà	8	8		8	5		6		
2	K18 - 459	Nguyễn Mỹ	Hạnh	10	7		9	2	3	4	5	
3	K18 - 460	Nguyễn Thị	Hằng	7	7		7	2	3	4	4	
4	K18 - 461	Triệu Thị	Hiền	8	7		8	5		6		
5	K18 - 462	Nguyễn Thị	Hiền	8	7		8	4		5		
6	K18 - 463	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	9	8		9	8		8		
7	K18 - 464	Lê Thị	Hoa	7	7		7	8		8		
8	K18 - 465	Trần Thị Thanh	Huệ	10	7		9	5		6		
9	K18 - 466	Trần Thị	Huyền	8	7		8	2	3	4	5	
10	K18 - 467	Trần Thanh	Huyền	BỎ HỌC								
11	K18 - 468	Phùng Thị	Hương	8	7		8	5		6		
12	K18 - 469	Đỗ Thị Lan	Hương	8	8		8	6		7		
13	K18 - 470	Hà Thị Lan	Hương	7	7		7	2	1	4	3	
14	K18 - 471	Hoàng Thị	Hường	BỎ HỌC								
15	K18 - 472	Nguyễn Thị Thu	Hường	10	7		9	6		7		
16	K18 - 473	Nguyễn Thị	Hường	8	7		8	2	3	4	5	
17	K18 - 474	Lê Thị	Lan	9	8		9	2	4	4	6	
18	K18 - 475	Trần Thị Thùy	Linh	BỎ HỌC								
19	K18 - 476	Đỗ Thị Hồng	Nhung	10	7		9	5		6		
20	K18 - 477	Ngô Thị Kim	Oanh	8	7		8	7		7		
21	K18 - 478	Nguyễn Thị	Phượng	7	7		7	2	3	4	4	
22	K18 - 479	Nguyễn Thị	Quyên	10	7		9	2	4	4	6	
23	K18 - 480	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	BỎ HỌC								
24	K18 - 481	Nguyễn Thúy	Quỳnh	8	8		8	4		5		
25	K18 - 482	Đỗ Thị	Thanh	7	8		8	7		7		
26	K18 - 483	Trần Thị	Thanh	7	7		7	3	5	4	6	
27	K18 - 484	Lê Thị	Thảo	8	8		8	9		9		
28	K18 - 485	Đào Thị Hồng	Thắm	7	8		8	6		7		
29	K18 - 486	Chu Thị	Thiện	9	8		9	8		8		
30	K18 - 487	Bùi Thị	Thu	9	8		9	7		8		
31	K18 - 488	Phạm Thị Hồng	Thúy	8	7		8	5		6		
32	K18 - 489	Đỗ Thị	Thúy	BỎ HỌC								
33	K18 - 490	Nguyễn Thị	Thúy	7	7		7	7		7		
34	K18 - 491	Nguyễn Thị Thu	Thúy	8	8		8	4		5		
35	K18 - 492	Nguyễn Thị Thu	Thúy	0	0		0	0	0	0	0	24/10/1996
36	K18 - 493	Nguyễn Thị	Thúy	7	7		7	1	3	3	4	
37	K18 - 494	Nguyễn Thị Thu	Thúy	7	7		7	1	1	3	3	06/05/1996

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
38	K18 - 495	Doãn Thanh	Thủy	6	8		7	1	3	3	4	
39	K18 - 496	Đàm Thị	Thủy	7	7		7	2	4	4	5	
40	K18 - 497	Lê Thị Thủy	Tiên	BỎ HỌC								
41	K18 - 498	Nguyễn Thị	Toan	9	8		9	5		6		
42	K18 - 499	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
43	K18 - 500	Phạm Minh	Trang	8	7		8	4		5		
44	K18 - 501	Hà Thị Huyền	Trang	8	8		8	5		6		
45	K18 - 502	Phạm Thị Thu	Trang	8	8		8	5		6		
46	K18 - 503	Nguyễn Thị	Trang	8	7		8	8		8		
47	K18 - 504	Nguyễn Thị Huyền	Trang	7	7		7	4		5		
48	K18 - 505	Hà Thị Thu	Trang	9	8		9	4		6		
49	K18 - 506	Lê Thị Thủy	Trang	8	7		8	3		5		
50	K18 - 507	Trần Thị	Trinh	7	7		7	3	3	4	4	
51	K18 - 508	Kiều Thị	Tuyết	BỎ HỌC								
52	K18 - 509	Ôn Thị	Tuyết	7	7		7	3	3	4	4	
53	K18 - 510	Hoàng Thị	Tuyết	9	8		9	5		6		
54	K18 - 511	Vũ Thị Thanh	Tuyền	6	8		7	4		5		
55	K18 - 512	Lê Thị Thu	Uyên	9	8		9	4		6		
56	K18 - 513	Hoàng Thị	Vi	8	8		8	4		5		
57	K18 - 514	Trần Thị	Vượng	8	7		8	3		5		
58	K18 - 515	Phùng Thị Thanh	Xuân	NGỪNG HỌC NĂM HỌC 2015-2016								
59	K18 - 516	Phan Thị Thanh	Xuân	0	0		0	0	0	0	0	Đã đủ PKDT
60	K18 - 517	Nguyễn Thị	Xuyến	8	8		8	5		6		
61	K18 - 518	Nguyễn Thị Hải	Yến	8	8		8	5		6		
62	K18 - 519	Nguyễn Thị	Yến	8	8		8	5		6		
63	K18 - 520	Nguyễn Thị	Yến	0	0		0	0	0	0	0	22/12/1994

Ấn định danh sách lớp có: 54 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 51 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (492, 516, 520)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 05 tháng 06 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Đỗ T. Bích Phương	Đỗ T. Bích Phương	Trần Loan	Nguyễn Lệ Thủy	
	L2: Đỗ T. Bích Phương	Trần Loan	Trần Thị Lan Anh	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC MẦM NON A3 KÌ: 4 KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Thị Kim Chung

HỌC PHẦN: Đường lối CM của ĐCS VN HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 458	Dương Thị	Hà	9	7	8	8	1	0	3	3	Vắc
2	K18 - 459	Nguyễn Mỹ	Hạnh	9	8	7	8	4		5		
3	K18 - 460	Nguyễn Thị	Hằng	8	7	8	8	0	7	3	7	VPQC
4	K18 - 461	Triệu Thị	Hiền	8	8	8	8	6		7		
5	K18 - 462	Nguyễn Thị	Hiền	9	8	9	9	2	8	4	8	
6	K18 - 463	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	9	8	9	9	1	7	4	8	
7	K18 - 464	Lê Thị	Hoa	8	7	8	8	5		6		
8	K18 - 465	Trần Thị Thanh	Huệ	9	8	7	8	1	7	3	7	
9	K18 - 466	Trần Thị	Huyền	9	7	8	8	3		5		
10	K18 - 467	Trần Thanh	Huyền	BỎ HỌC								
11	K18 - 468	Phùng Thị	Hương	9	7	8	8	7		7		
12	K18 - 469	Đỗ Thị Lan	Hương	9	8	7	8	6		7		
13	K18 - 470	Hà Thị Lan	Hương	6	7	7	7	2	6	4	6	
14	K18 - 471	Hoàng Thị	Hường	BỎ HỌC								
15	K18 - 472	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	8	9	9	6		7		
16	K18 - 473	Nguyễn Thị	Hường	9	7	8	8	1	7	3	7	
17	K18 - 474	Lê Thị	Lan	8	7	8	8	3		5		
18	K18 - 475	Trần Thị Thùy	Linh	BỎ HỌC								
19	K18 - 476	Đỗ Thị Hồng	Nhung	9	8	9	9	1	7	4	8	
20	K18 - 477	Ngô Thị Kim	Oanh	8	7	8	8	5		6		
21	K18 - 478	Nguyễn Thị	Phượng	8	8	8	8	3		5		
22	K18 - 479	Nguyễn Thị	Quyên	9	7	8	8	2	6	4	7	
23	K18 - 480	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	BỎ HỌC								
24	K18 - 481	Nguyễn Thúy	Quỳnh	9	8	7	8	1	5	3	6	
25	K18 - 482	Đỗ Thị	Thanh	10	8	9	9	8		8		
26	K18 - 483	Trần Thị	Thanh	9	7	8	8	2	6	3	7	VPQC
27	K18 - 484	Lê Thị	Thảo	9	7	8	8	6		7		
28	K18 - 485	Đào Thị Hồng	Thắm	9	8	7	8	4		5		
29	K18 - 486	Chu Thị	Thiện	9	7	8	8	8		8		
30	K18 - 487	Bùi Thị	Thu	9	7	8	8	6		7		
31	K18 - 488	Phạm Thị Hồng	Thúy	9	8	7	8	3		5		
32	K18 - 489	Đỗ Thị	Thúy	BỎ HỌC								
33	K18 - 490	Nguyễn Thị	Thúy	9	7	8	8	5		6		
34	K18 - 491	Nguyễn Thị Thu	Thúy	9	8	7	8	1	4	3	5	
35	K18 - 492	Nguyễn Thị Thu	Thúy	\	\	\	\	\		\		24/10/1996
36	K18 - 493	Nguyễn Thị	Thúy	8	7	8	8	1	7	3	7	
37	K18 - 494	Nguyễn Thị Thu	Thúy	7	7	7	7	3	6	4	6	06/05/1996

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
38	K18 - 495	Doãn Thanh	Thủy	8	7	8	8	2	6	4	7	
39	K18 - 496	Đàm Thị	Thủy	8	8	8	8	3		5		
40	K18 - 497	Lê Thị Thủy	Tiên	BỎ HỌC								
41	K18 - 498	Nguyễn Thị	Toan	9	8	7	8	4		5		
42	K18 - 499	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
43	K18 - 500	Phạm Minh	Trang	9	7	8	8	1	3	3	5	
44	K18 - 501	Hà Thị Huyền	Trang	9	7	8	8	2	6	4	7	
45	K18 - 502	Phạm Thị Thu	Trang	9	8	7	8	2	7	4	7	
46	K18 - 503	Nguyễn Thị	Trang	8	8	8	8	2	6	4	7	
47	K18 - 504	Nguyễn Thị Huyền	Trang	8	7	8	8	3		5		
48	K18 - 505	Hà Thị Thu	Trang	9	8	9	9	4		6		
49	K18 - 506	Lê Thị Thủy	Trang	8	7	8	8	7		7		
50	K18 - 507	Trần Thị	Trinh	8	7	8	8	2	5	4	6	
51	K18 - 508	Kiều Thị	Tuyết	BỎ HỌC								
52	K18 - 509	Ôn Thị	Tuyết	8	8	8	8	4		5		
53	K18 - 510	Hoàng Thị	Tuyết	9	8	7	8	4		5		
54	K18 - 511	Vũ Thị Thanh	Tuyền	9	7	8	8	5		6		
55	K18 - 512	Lê Thị Thu	Uyên	9	9	8	9	1	6	4	7	
56	K18 - 513	Hoàng Thị	Vi	8	7	8	8	4		5		
57	K18 - 514	Trần Thị	Vượng	9	7	8	8	2	5	4	6	
58	K18 - 515	Phùng Thị Thanh	Xuân	NGỪNG HỌC NĂM HỌC 2015-2016								
59	K18 - 516	Phan Thị Thanh	Xuân	\	\	\	\	\		\		bỏ thi
60	K18 - 517	Nguyễn Thị	Xuyến	9	8	7	8	4		5		
61	K18 - 518	Nguyễn Thị Hải	Yến	8	7	8	8	4		5		
62	K18 - 519	Nguyễn Thị	Yến	8	8	8	8	3		5		
63	K18 - 520	Nguyễn Thị	Yến	\	\	\	\	\		\		22/12/1994

Ấn định danh sách lớp có: 54 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 51/54 **Số sinh viên không được dự thi:** 03: K18-492; K18-516; K18-520

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 03 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Nguyễn Thị Kim Chung	Ng T. Kim Chung	Quách Thị Kiều Dung	Nguyễn Lệ Thủy 4/9/2016	Trần Thị Sao Anh

lần: Ng.T. Kim Chung Quách.T. Kiều Dung

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC MẦM NON A3 KÌ: 7 KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Ngô Thị Xuyến

HỌC PHẦN: Sức khoẻ sinh sản HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 458	Dương Thị	Hà	9	9		9	2	4	4	6	
2	K18 - 459	Nguyễn Mỹ	Hạnh	8	8		8	3		5		
3	K18 - 460	Nguyễn Thị	Hằng	8	8		8	2	3	4	5	
4	K18 - 461	Triệu Thị	Hiền	9	9		9	3		5		
5	K18 - 462	Nguyễn Thị	Hiền	9	9		9	3		5		
6	K18 - 463	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	9	9		9	5		6		
7	K18 - 464	Lê Thị	Hoa	8	8		8	6		7		
8	K18 - 465	Trần Thị Thanh	Huệ	8	8		8	7		7		
9	K18 - 466	Trần Thị	Huyền	8	8		8	8		8		
10	K18 - 467	Trần Thanh	Huyền	BỎ HỌC								
11	K18 - 468	Phùng Thị	Hương	9	9		9	8		8		
12	K18 - 469	Đỗ Thị Lan	Hương	8	8		8	8		8		
13	K18 - 470	Hà Thị Lan	Hương	7	7		7	3	3	4	4	
14	K18 - 471	Hoàng Thị	Hường	BỎ HỌC								
15	K18 - 472	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	9		9	4		6		
16	K18 - 473	Nguyễn Thị	Hường	8	8		8	3		5		
17	K18 - 474	Lê Thị	Lan	9	9		9	5		6		
18	K18 - 475	Trần Thị Thùy	Linh	BỎ HỌC								
19	K18 - 476	Đỗ Thị Hồng	Nhung	9	9		9	3		5		
20	K18 - 477	Ngô Thị Kim	Oanh	8	8		8	7		7		
21	K18 - 478	Nguyễn Thị	Phượng	8	8		8	4		5		
22	K18 - 479	Nguyễn Thị	Quyên	9	9		9	0	6	3	7	VPQC
23	K18 - 480	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	BỎ HỌC								
24	K18 - 481	Nguyễn Thúy	Quỳnh	8	8		8	0	5	3	6	VPQC
25	K18 - 482	Đỗ Thị	Thanh	8	8		8	2	4	4	5	
26	K18 - 483	Trần Thị	Thanh	8	8		8	4		5		
27	K18 - 484	Lê Thị	Thảo	8	8		8	2	4	4	5	
28	K18 - 485	Đào Thị Hồng	Thắm	9	9		9	5		6		
29	K18 - 486	Chu Thị	Thiện	8	8		8	8		8		
30	K18 - 487	Bùi Thị	Thu	8	8		8	5		6		
31	K18 - 488	Phạm Thị Hồng	Thủy	8	8		8	5		6		
32	K18 - 489	Đỗ Thị	Thủy	BỎ HỌC								
33	K18 - 490	Nguyễn Thị	Thủy	8	8		8	8		8		
34	K18 - 491	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	8		8	7		7		
35	K18 - 492	Nguyễn Thị Thu	Thủy	\	\		\	\		Không học		24/10/1996
36	K18 - 493	Nguyễn Thị	Thủy	8	8		8	6		7		
37	K18 - 494	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	8		8	3		5		06/05/1996

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
38	K18 - 495	Doãn Thanh	Thủy	8	8		8	5		6		
39	K18 - 496	Đàm Thị	Thủy	8	8		8	6		7		
40	K18 - 497	Lê Thị Thủy	Tiên	BỎ HỌC								
41	K18 - 498	Nguyễn Thị	Toan	9	9		9	7		8		
42	K18 - 499	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
43	K18 - 500	Phạm Minh	Trang	9	9		9	25		6		
44	K18 - 501	Hà Thị Huyền	Trang	8	9		9	5		6		
45	K18 - 502	Phạm Thị Thu	Trang	9	9		9	5		6		
46	K18 - 503	Nguyễn Thị	Trang	8	8		8	5		6		
47	K18 - 504	Nguyễn Thị Huyền	Trang	9	9		9	6		7		
48	K18 - 505	Hà Thị Thu	Trang	9	9		9	8		8		
49	K18 - 506	Lê Thị Thủy	Trang	8	8		8	8		8		
50	K18 - 507	Trần Thị	Trinh	8	8		8	4		5		
51	K18 - 508	Kiều Thị	Tuyết	BỎ HỌC								
52	K18 - 509	Ôn Thị	Tuyết	8	8		8	5		6		
53	K18 - 510	Hoàng Thị	Tuyết	8	8		8	6		7		
54	K18 - 511	Vũ Thị Thanh	Tuyền	8	8		8	5		6		
55	K18 - 512	Lê Thị Thu	Uyên	9	9		9	4		6		
56	K18 - 513	Hoàng Thị	Vi	8	8		8	6		7		
57	K18 - 514	Trần Thị	Vượng	8	8		8	6		7		
58	K18 - 515	Phùng Thị Thanh	Xuân	NGỪNG HỌC NĂM HỌC 2015-2016								
59	K18 - 516	Phan Thị Thanh	Xuân	\	\		\	\		\		không học
60	K18 - 517	Nguyễn Thị	Xuyến	8	8		8	6		7		
61	K18 - 518	Nguyễn Thị Hải	Yến	8	8		8	7		7		
62	K18 - 519	Nguyễn Thị	Yến	8	8		8	8		8		1996
63	K18 - 520	Nguyễn Thị	Yến	\	\		\	\		Không học		22/12/1994

Ấn định danh sách lớp có: 54 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 51/54 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (492, 516, 520)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 01 (500)

Ngày 03 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Ngô Thị Xuyến	Ngô Thị Xuyến	Đặng V Hà	Nguyễn Lê Thủy 1/9/2016	
Ngô Thị Xuyến		Ng. T. T. Nga	Trần Thị Sơn Anh	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC MẦM NON A3 KÌ: II KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Trần Tuyết Nhung

HỌC PHẦN: Lịch sử GDH mầm non HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: thi

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 458	Dương Thị	Hà	10	7		8	2	5	4	6	
2	K18 - 459	Nguyễn Mỹ	Hạnh	9	8		9	2	5	4	6	
3	K18 - 460	Nguyễn Thị	Hằng	9	8		9	3		5		
4	K18 - 461	Triệu Thị	Hiền	10	7		9	6		7		
5	K18 - 462	Nguyễn Thị	Hiền	10	8		9	6		7		
6	K18 - 463	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	10	7		9	5		6		
7	K18 - 464	Lê Thị	Hoa	9	8		9	4		6		
8	K18 - 465	Trần Thị Thanh	Huệ	9	7		8	4		5		
9	K18 - 466	Trần Thị	Huyền	9	7		8	4		5		
10	K18 - 467	Trần Thanh	Huyền	BỎ HỌC								
11	K18 - 468	Phùng Thị	Hương	9	8		9	7		8		
12	K18 - 469	Đỗ Thị Lan	Hương	9	7		8	6		7		
13	K18 - 470	Hà Thị Lan	Hương	9	8		9	6		7		
14	K18 - 471	Hoàng Thị	Hường	BỎ HỌC								
15	K18 - 472	Nguyễn Thị Thu	Hường	10	7		9	4		6		
16	K18 - 473	Nguyễn Thị	Hường	10	8		9	4		6		
17	K18 - 474	Lê Thị	Lan	10	8		9	3		5		
18	K18 - 475	Trần Thị Thùy	Linh	BỎ HỌC								
19	K18 - 476	Đỗ Thị Hồng	Nhung	9	7		8	1	6	3	7	
20	K18 - 477	Ngô Thị Kim	Oanh	9	8		9	7		8		
21	K18 - 478	Nguyễn Thị	Phượng	8	7		8	3		5		
22	K18 - 479	Nguyễn Thị	Quyên	8	8		8	6		7		
23	K18 - 480	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	BỎ HỌC								
24	K18 - 481	Nguyễn Thúy	Quỳnh	10	7		9	3		5		
25	K18 - 482	Đỗ Thị	Thanh	9	8		9	6		7		
26	K18 - 483	Trần Thị	Thanh	8	7		8	5		6		
27	K18 - 484	Lê Thị	Thảo	10	8		9	4		6		
28	K18 - 485	Đào Thị Hồng	Thắm	9	7		8	5		6		
29	K18 - 486	Chu Thị	Thiện	9	8		9	7		8		
30	K18 - 487	Bùi Thị	Thu	8	8		8	6		7		
31	K18 - 488	Phạm Thị Hồng	Thúy	8	7		8	6		7		
32	K18 - 489	Đỗ Thị	Thúy	BỎ HỌC								
33	K18 - 490	Nguyễn Thị	Thúy	9	8		9	5		6		
34	K18 - 491	Nguyễn Thị Thu	Thúy	9	8		9	3		5		
35	K18 - 492	Nguyễn Thị Thu	Thúy	0	0		0	0		0		24/10/1996
36	K18 - 493	Nguyễn Thị	Thúy	8	7		8	2	4	4	5	
37	K18 - 494	Nguyễn Thị Thu	Thúy	8	7		8	2	4	4	5	06/05/1996

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
38	K18 - 495	Doãn Thanh	Thủy	8	7		8	2	5	4	6	
39	K18 - 496	Đàm Thị	Thủy	8	7		8	2	4	4	5	
40	K18 - 497	Lê Thị Thủy	Tiên	BỎ HỌC								
41	K18 - 498	Nguyễn Thị	Toan	9	7		8	6		7		
42	K18 - 499	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
43	K18 - 500	Phạm Minh	Trang	10	8		9	2	4	4	6	
44	K18 - 501	Hà Thị Huyền	Trang	10	8		9	4		6		
45	K18 - 502	Phạm Thị Thu	Trang	9	7		8	3		5		
46	K18 - 503	Nguyễn Thị	Trang	8	7		8	4		5		
47	K18 - 504	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10	8		9	5		6		
48	K18 - 505	Hà Thị Thu	Trang	10	7		9	6		7		
49	K18 - 506	Lê Thị Thủy	Trang	9	8		9	6		7		
50	K18 - 507	Trần Thị	Trinh	9	6		8	4		5		
51	K18 - 508	Kiều Thị	Tuyết	BỎ HỌC								
52	K18 - 509	Ôn Thị	Tuyết	8	8		8	3		5		
53	K18 - 510	Hoàng Thị	Tuyết	10	7		9	6		7		
54	K18 - 511	Vũ Thị Thanh	Tuyền	9	8		9	3		5		
55	K18 - 512	Lê Thị Thu	Uyên	9	8		9	3		5		
56	K18 - 513	Hoàng Thị	Vi	9	8		9	6		7		
57	K18 - 514	Trần Thị	Vượng	9	7		8	4		5		
58	K18 - 515	Phùng Thị Thanh	Xuân	NGỪNG HỌC NĂM HỌC 2015-2016								
59	K18 - 516	Phan Thị Thanh	Xuân	0	0		0	0		0		Bỏ học
60	K18 - 517	Nguyễn Thị	Xuyến	9	7		8	6		7		
61	K18 - 518	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	8		9	9		9		
62	K18 - 519	Nguyễn Thị	Yến	9	8		9	4		6		
63	K18 - 520	Nguyễn Thị	Yến	0	0		0	0		0		22/12/1994 Bỏ học

Ấn định danh sách lớp có: 54 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 51/54 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (SBD: 492, 516, 520)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Không **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** Không

Ngày 03 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Trần Tuyết Nhung	Nguyễn Thị Hải	Trần Tuyết Nhung	Nguyễn Lệ Thủy 1/01/2016	
Lần 2	Nguyễn Thị Hải	Trần Tuyết Nhung		Trần Thị Lan Anh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC MẦM NON A3 KÌ: 4 KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Đặng Việt Hà

HỌC PHẦN: Giáo dục dinh dưỡng HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA:

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 458	Dương Thị	Hà	9	8		9	3		5		
2	K18 - 459	Nguyễn Mỹ	Hạnh	8	8		8	2	3	4	5	
3	K18 - 460	Nguyễn Thị	Hằng	9	7		8	5		6		
4	K18 - 461	Triệu Thị	Hiền	8	8		8	6		7		
5	K18 - 462	Nguyễn Thị	Hiền	8	8		8	3		5		
6	K18 - 463	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	9	8		9	4		6		
7	K18 - 464	Lê Thị	Hoa	8	7		8	4		5		
8	K18 - 465	Trần Thị Thanh	Huệ	8	8		8	5		6		
9	K18 - 466	Trần Thị	Huyền	8	8		8	5		6		
10	K18 - 467	Trần Thanh	Huyền	BỎ HỌC								
11	K18 - 468	Phùng Thị	Hương	8	7		8	3		5		
12	K18 - 469	Đỗ Thị Lan	Hương	8	8		8	5		6		
13	K18 - 470	Hà Thị Lan	Hương	8	7		8	2	0	4	3	VL2 KP
14	K18 - 471	Hoàng Thị	Hường	BỎ HỌC								
15	K18 - 472	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	8		9	4		6		
16	K18 - 473	Nguyễn Thị	Hường	8	8		8	9		5		
17	K18 - 474	Lê Thị	Lan	8	8		8	2	4	4	5	
18	K18 - 475	Trần Thị Thùy	Linh	BỎ HỌC								
19	K18 - 476	Đỗ Thị Hồng	Nhung	9	8		9	3		5		
20	K18 - 477	Ngô Thị Kim	Oanh	8	7		8	4		5		
21	K18 - 478	Nguyễn Thị	Phượng	8	7		8	2	4	4	5	
22	K18 - 479	Nguyễn Thị	Quyên	8	7		8	4		5		
23	K18 - 480	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	BỎ HỌC								
24	K18 - 481	Nguyễn Thúy	Quỳnh	8	8		8	2	4	4	5	
25	K18 - 482	Đỗ Thị	Thanh	7	8		8	5		6		
26	K18 - 483	Trần Thị	Thanh	7	8		8	1	4	3	5	
27	K18 - 484	Lê Thị	Thảo	8	8		8	3		5		
28	K18 - 485	Đào Thị Hồng	Thắm	8	7		8	4		5		
29	K18 - 486	Chu Thị	Thiện	8	7		8	6		7		
30	K18 - 487	Bùi Thị	Thu	9	8		9	2	3	4	5	
31	K18 - 488	Phạm Thị Hồng	Thủy	8	8		8	3		5		
32	K18 - 489	Đỗ Thị	Thủy	BỎ HỌC								
33	K18 - 490	Nguyễn Thị	Thủy	5	8		8	4		5		
34	K18 - 491	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	8		8	3		5		
35	K18 - 492	Nguyễn Thị Thu	Thủy	0	0		0	0		0		24/10/1996
36	K18 - 493	Nguyễn Thị	Thủy	8	7		8	1	2	3	4	
37	K18 - 494	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	7		8	2	2	4	4	06/05/1996

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
38	K18 - 495	Doãn Thanh	Thủy	8	8		8	3		5		
39	K18 - 496	Đàm Thị	Thùy	8	7		8	1	2	3	4	
40	K18 - 497	Lê Thị Thủy	Tiên	BỎ HỌC								
41	K18 - 498	Nguyễn Thị	Toan	9	8		9	4		6		
42	K18 - 499	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
43	K18 - 500	Phạm Minh	Trang	8	7		8	1	1	3	3	
44	K18 - 501	Hà Thị Huyền	Trang	8	8		8	1	2	3	4	
45	K18 - 502	Phạm Thị Thu	Trang	8	8		8	3		5		
46	K18 - 503	Nguyễn Thị	Trang	8	7		8	2	3	4	5	
47	K18 - 504	Nguyễn Thị Huyền	Trang	8	8		8	2	2	4	4	
48	K18 - 505	Hà Thị Thu	Trang	8	8		8	5		6		
49	K18 - 506	Lê Thị Thủy	Trang	8	7		8	4		5		
50	K18 - 507	Trần Thị	Trinh	8	8		8	1	3	3	3	
51	K18 - 508	Kiều Thị	Tuyết	BỎ HỌC								
52	K18 - 509	Ôn Thị	Tuyết	8	7		8	2	3	3	5	
53	K18 - 510	Hoàng Thị	Tuyết	8	8		8	2	3	4	5	
54	K18 - 511	Vũ Thị Thanh	Tuyền	8	8		8	3		5		
55	K18 - 512	Lê Thị Thu	Uyên	9	8		9	2	3	4	5	
56	K18 - 513	Hoàng Thị	Vi	8	8		8	4		5		
57	K18 - 514	Trần Thị	Vượng	8	8		8	2	3	4	5	
58	K18 - 515	Phùng Thị Thanh	Xuân	NGỪNG HỌC NĂM HỌC 2015-2016								
59	K18 - 516	Phan Thị Thanh	Xuân	0	0		0	0		0		KDAKT
60	K18 - 517	Nguyễn Thị	Xuyến	8	8		8	2	3	4	5	
61	K18 - 518	Nguyễn Thị Hải	Yến	8	8		8	7		7		
62	K18 - 519	Nguyễn Thị	Yến	8	8		8	7		7		
63	K18 - 520	Nguyễn Thị	Yến	0	0		0	0		0		22/12/1994 KDAKT

Ấn định danh sách lớp có: 54 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 51/54 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (516, 520, 492)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** (509), (779)

Ngày 02 *tháng* 6 *năm* 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Đặng Việt Hà	Đặng V. Hà	Ngô Thị Xuyến	Nguyễn Lê Thủy 1/11/2016	
	Ngô Thị Xuyến	Nguyễn Thị Thanh Nga		
		Trần Thị Lan Anh		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC MẦM NON A3 KÌ: IV...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: VŨ VĂN HỒNG

HỌC PHẦN: Giáo dục gia đình HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết bài tại phòng thi

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 458	Dương Thị	Hà	9	7		8	4		5		
2	K18 - 459	Nguyễn Mỹ	Hạnh	9	8		9	5		6		
3	K18 - 460	Nguyễn Thị	Hằng	9	8		9	4		6		
4	K18 - 461	Triệu Thị	Hiền	9	8		9	5		6		
5	K18 - 462	Nguyễn Thị	Hiền	9	8		9	6		7		
6	K18 - 463	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	9	9		9	6		7		
7	K18 - 464	Lê Thị	Hoa	9	8		9	7		8		
8	K18 - 465	Trần Thị Thanh	Huệ	9	8		9	6		7		
9	K18 - 466	Trần Thị	Huyền	9	7		8	9		9		
10	K18 - 467	Trần Thanh	Huyền	BỎ HỌC								
11	K18 - 468	Phùng Thị	Hương	9	9		9	9		9		
12	K18 - 469	Đỗ Thị Lan	Hương	9	8		9	8		8		
13	K18 - 470	Hà Thị Lan	Hương	9	8		9	6		7		
14	K18 - 471	Hoàng Thị	Hường	BỎ HỌC								
15	K18 - 472	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	8		9	7		8		
16	K18 - 473	Nguyễn Thị	Hường	9	8		9	7		8		
17	K18 - 474	Lê Thị	Lan	9	8		9	6		7		
18	K18 - 475	Trần Thị Thúy	Linh	BỎ HỌC								
19	K18 - 476	Đỗ Thị Hồng	Nhung	9	8		9	6		7		
20	K18 - 477	Ngô Thị Kim	Oanh	9	8		9	9		9		
21	K18 - 478	Nguyễn Thị	Phượng	9	7		8	4		5		
22	K18 - 479	Nguyễn Thị	Quyên	9	8		9	8		8		
23	K18 - 480	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	BỎ HỌC								
24	K18 - 481	Nguyễn Thúy	Quỳnh	9	8		9	8		8		
25	K18 - 482	Đỗ Thị	Thanh	9	8		9	2	7	4	8	
26	K18 - 483	Trần Thị	Thanh	9	8		9	5		6		
27	K18 - 484	Lê Thị	Thảo	9	8		9	6		7		
28	K18 - 485	Đào Thị Hồng	Thắm	9	8		9	5		6		
29	K18 - 486	Chu Thị	Thiện	9	8		9	9		9		
30	K18 - 487	Bùi Thị	Thu	9	8		9	9		9		
31	K18 - 488	Phạm Thị Hồng	Thúy	9	8		9	7		8		
32	K18 - 489	Đỗ Thị	Thúy	BỎ HỌC								
33	K18 - 490	Nguyễn Thị	Thúy	9	8		9	0	5	3	6	
34	K18 - 491	Nguyễn Thị Thu	Thúy	9	8		9	6		7		
35	K18 - 492	Nguyễn Thị Thu	Thúy	9	9		9	9		9		24/10/1996
36	K18 - 493	Nguyễn Thị	Thúy	9	8		9	3		5		
37	K18 - 494	Nguyễn Thị Thu	Thúy	9	8		9	3		5		06/05/1996

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
38	K18 - 495	Doãn Thanh	Thủy	9	8		9	0	2	3	4	
39	K18 - 496	Đàm Thị	Thủy	9	8		9	4		6		
40	K18 - 497	Lê Thị Thủy	Tiên	BỎ HỌC								
41	K18 - 498	Nguyễn Thị	Toan	9	8		9	7		8		
42	K18 - 499	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
43	K18 - 500	Phạm Minh	Trang	9	8		9	4		6		
44	K18 - 501	Hà Thị Huyền	Trang	9	8		9	4		6		
45	K18 - 502	Phạm Thị Thu	Trang	9	8		9	5		6		
46	K18 - 503	Nguyễn Thị	Trang	9	8		9	6		7		
47	K18 - 504	Nguyễn Thị Huyền	Trang	9	8		9	0	3	3	5	
48	K18 - 505	Hà Thị Thu	Trang	9	8		9	7		8		
49	K18 - 506	Lê Thị Thủy	Trang	9	8		9	7		8		
50	K18 - 507	Trần Thị	Trinh	9	8		9	4		6		
51	K18 - 508	Kiều Thị	Tuyết	BỎ HỌC								
52	K18 - 509	Ôn Thị	Tuyết	9	9		9	4		6		
53	K18 - 510	Hoàng Thị	Tuyết	9	8		9	6		7		
54	K18 - 511	Vũ Thị Thanh	Tuyền	9	8		9	3		5		
55	K18 - 512	Lê Thị Thu	Uyên	9	8		9	3		5		
56	K18 - 513	Hoàng Thị	Vi	9	8		9	7		8		
57	K18 - 514	Trần Thị	Vượng	9	8		9	4		6		
58	K18 - 515	Phùng Thị Thanh	Xuân	NGỪNG HỌC NĂM HỌC 2015-2016								
59	K18 - 516	Phan Thị Thanh	Xuân	0	0		0	0		0		
60	K18 - 517	Nguyễn Thị	Xuyến	9	8		9	4		6		
61	K18 - 518	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	8		9	9		9		
62	K18 - 519	Nguyễn Thị	Yến	9	8		9	7		8		
63	K18 - 520	Nguyễn Thị	Yến	9	9		9	0		0		22/12/1994

Ấn định danh sách lớp có: 54 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 51 ..... **Số sinh viên không được dự thi:** 03 sinh viên: K18492; K18516; K185..

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 ..... **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** ..... 0 .....

Ngày 3 tháng 6 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Vũ Văn Hồng	Ng Thị Phương Liễu	T. K. Dung	Nguyễn Lê Thủy 1/9/2016	Trần Thị Lan Anh

Lần 2: Ng Thị Phương Liễu Thị Kim Dung